PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố mã HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam

Phụ lục I
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

(Tiếp theo Công báo số 413 + 414)

Phụ lục IA. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

16. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y ĐẤT VIỆT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1925	V-Top.E^{+}	Neomycine, Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycine và Oxytetracycline trên bê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-1
1926	V-T.Cocid	Trimethoprim, Sulfadimethoxine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn con, gà, thỏ	Vietvet-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1927	V-T.Cosvit	Trimethoprim, Sulfachloropyridazine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, viêm phổi trên bê, nghé, lợn, gia cầm	Vietvet-3
1928	V-Restop	Doxycycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị viêm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-4
1929	V-Ampi-Col.I	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, hội chứng MMA trên bò, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-5
1930	V-T.Ngan Vit	Oxytetracycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, khớp, da trên lợn, gia cầm	Vietvet-6
1931	V-Ampi-Col.E	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin gây ra trên bò, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-7
1932	V-TTS	Spiramycin, Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Oxytetracycline trên lợn, bê, gà, vịt, ngan	Vietvet-8
1933	V-Gendoxy.T	Doxycycline, Gentamycin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gà, ngan, vịt	Vietvet-9
1934	V-T.Flo 40S	Florfenicol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên lợn	Vietvet-10
1935	V-T.Nấm phổi	Nystatin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng trị nấm trên gia cầm	Vietvet-11
1936	V-T.Flu 100S	Flumequine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, gia cầm	Vietvet-12
1937	V-T.Coc 300S	Sulfachloropyrazine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn trên gà	Vietvet-13
1938	V-T.Sacoli	Neomycin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu non, dê non, heo, gia cầm, thỏ	Vietvet-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1939	T.T.S Blue	Spiramycin, Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, dê, cừu, dê, gia cầm, thỏ	Vietvet-15
1940	T.Leva-GS	Levamisol	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị giun dạ dày - ruột, phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm	Vietvet-16
1941	T. Amo-Coli	Amoxicilline, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, sinh dục trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-17
1942	T. Doxin 200	Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-18
1943	Doxy 50%-HP	Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-19
1944	T.Amoxy 50%	Amoxicilline	Túi, hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, hồng ly, nhiễm trùng máu, viêm nhiễm đường tiết niệu, viêm da trên lợn	Vietvet-20
1945	Anticoc 100 HP	Sulfadimethoxine, Trimethoprim	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu non, lợn con, gia cầm, thỏ	Vietvet-21
1946	T. Gendox 20/20	Gentamycin, Doxycyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1 kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-22
1947	T. Dotylo Extra	Doxycyclin, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	Vietvet-23
1948	T.Amoxy 150	Amoxicilline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm khuẩn niệu sinh dục trên bê, lợn, gia cầm	Vietvet-24
1949	Dogenta-HP	Doxycycline, Gentamycine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, CRD, E.coli, Salmonellosis, viêm da trên bê, nghé, lợn, gia cầm	Vietvet-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1950	Doxytyl-HP	Doxycycline, Tylosine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột và đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	Vietvet-26
1951	Coli 24H	Ampicillin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	Vietvet-27
1952	T.Flofen 300 LA	Flophenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bò, lợn	Vietvet-28
1953	T. Enro 100	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	Vietvet-29
1954	T.Dofen	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn, cừu, chó, mèo	Vietvet-30
1955	T.Genta-Vet 100	Gentamycine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	Vietvet-31
1956	T.Tygenvet	Tylosine, Gentamycine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm móng, đóng dấu, viêm tử cung, viêm khớp, hồng lỵ, thương hàn, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng niệu, da, dạ dày - ruột trên trâu, bò, dê, cừu, heo	Vietvet-32
1957	T.Restop	Tylosin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng vết thương trên bò, lợn, gia cầm	Vietvet-33
1958	T.Oxythiam	Oxytetracycline, Thiamphenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng, phó thương hàn, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp, đau móng, viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, heo, cừu, chó, mèo, gia cầm	Vietvet-34
1959	T.Cotrisep LA	Trimethoprim, Sulfamethoxypyridazine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, nhiễm trùng huyết, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	Vietvet-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1960	T.Maflox	Marbofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	Vietvet-37
1961	T.Dexason	Dexamethasone	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị Aceton huyết, dị ứng, viêm khớp, viêm gân, giây chằng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	Vietvet-38
1962	T.PARADIFEN	Paracetamol, Diclofenac	Chai	10; 20; 50; 100ml	Giảm đau và viêm cơ, hậu phẫu, chấn thương, sốt cao trên trâu, bò, dê, lợn, chó	Vietvet-39
1963	T.Butasal B12	1-(n-Butylamino)-1 methylethyl-Phosphonic acid, Vitamin B12	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị rối loạn trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm	Vietvet-40
1964	T.Sol AD3E	Vitamine A, D3, E	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin, tăng sức đề kháng trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	Vietvet-41
1965	T.FE + B12	Fe (as Dextran complex), Vitamin B12	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên lợn con, bê, nghé, dê non	Vietvet-42
1966	T.Cetiofo	Ceftiofur	Chai	1g; 4g	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn, chó, mèo, gia cầm	Vietvet-43
1967	T.Oxylin LA	Oxytetracycline	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị CRD, viêm phổi, Lepto, đóng dấu, viêm vú, tụ huyết trùng, viêm ruột - ỉa chảy, viêm móng trên gia súc, gia cầm	Vietvet-44
1968	V.Flocol 100 oral	Flofenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp, dạ dày - ruột trên lợn, gia cầm	Vietvet-45
1969	V.Enro 10%	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị CRD, nhiễm trùng máu, tụ huyết trùng, Coryza, bạch lỵ, thương hàn trên gia cầm	Vietvet-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1970	V.Toltra	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm	Vietvet-48
1971	V.Enflox 250	Enrofloxacine	Chai	5; 10; 50; 100ml	Trị CRD, CCRD, tiêu chảy, tụ huyết trùng, Coryza trên gia cầm	Vietvet-48
1972	V.Norflox 20%	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	Vietvet-49
1973	V.Colis	Colistin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, heo, cừu, gia cầm	Vietvet-50
1974	V.Norflox 10%	Norfloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	Vietvet-51
1975	T.Tylogen	Tylosine, Gentamycine	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm vú, viêm móng, đóng dấu, viêm tử cung, viêm khớp, hồng lỵ, thương hàn, nhiễm trùng máu, viêm xoang, nhiễm khuẩn niệu, da, dạ dày - ruột	Vietvet-52
1976	VT.Iodin 10%	P.V.P Iodin	Chai, can	20; 50; 100; 200; 250, 500ml; 1; 2; 5; 10; 20; 25l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng da, vết thương, bầu vú, khử trùng nguồn nước uống	Vietvet-52
1977	T.Bcomplex	Vitamin B1, B2, B6, B12, Calcium Pantothenate Niacinamide	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và điều trị bệnh thiếu máu, thiếu vitamin nhóm B. Tăng sức đề kháng, chống stress, giải độc, kích thích tiêu hóa	Vietvet-53
1978	T.Analgin C	Analgin, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau và hạ sốt	Vietvet-54
1979	T.Glunamin K-C	Calcium gluconate, Acid tolfenamic, Vitamin K, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Hỗ trợ trong điều trị sốt sữa không biến chứng (suy nhược lúc sắp sinh) trên gia súc	Vietvet-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1980	T.Ketovet	Ketoprofen	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Chống viêm, giảm đau, hạ sốt	Vietvet-56
1981	T.Amovet LA	Amoxycicline	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, sưng phù đầu do E.coli, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung	Vietvet-57
1982	T.Amocoli LA	Amoxycicline, Colistin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, niệu, sinh dục trên gia súc, lợn	Vietvet-58
1983	T.Spifen	Florfenicol, Spiramycin, Lidocain HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm teo xoang mũi, viêm ruột, tiêu chảy, đóng dấu, tụ huyết trùng, thương hàn, kiết lỵ trên trâu, bò, lợn, gia cầm	Vietvet-59
1984	T.Tobratyl	Tobramycin, Tylosin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị THT, phó thương hàn; viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	Vietvet-60
1985	T.Tilmivet 300	Tilmicosin phosphate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên gia súc	Vietvet-61

17. CÔNG TY CỔ PHẦN MEDION VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1986	Gentamox inj	Amoxycillin trihydrate; Gentamycin	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng vú trên trâu, bò, lợn	MDV-1
1987	Enflox 100 inj	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, trâu, bò, cừu, dê, lợn	MDV-2
1988	Tiljec 30%	Tilmicosin base	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, thối móng, kẽ móng ở trâu, bò và cừu	MDV-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1989	Colimox inj	Amoxycillin trihydrate; Colistin sulphate	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục và nhiễm trùng thứ cấp trên trâu, bò, bê nghé, lợn	MDV-4
1990	Advoject 2,5%	Danofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	MDV-5
1991	Drafovet inj	Tulathromycin	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm giác kết mạc trên trâu, bò, lợn	MDV-6
1992	Marboject	Marbofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, cạn sữa trên trâu, bò, lợn	MDV-7
1993	Greendox 20% inj	Doxycillin	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, nhiễm trùng vết thương, các bệnh viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm ruột, viêm dạ dày, viêm tử cung, sẩy thai, viêm khớp, xoắn khuẩn	MDV-8
1994	Enflox 10% Oral	Enrofloxacin	Chai, can	10, 50, 100, 120, 500ml, 1, 2, 5, 10 l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, gia cầm, lợn	MDV-9
1995	Avicox 2.5%	Toltrazuril	Chai, can	10, 50, 100, 120, 500ml, 1, 2, 5, 10 l	Trị cầu trùng trên gà	MDV-10
1996	F-100 Oral Solution	Florfenicol	Chai, can	10, 50, 100, 120, 500ml, 1, 2, 5, 10 l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp trên lợn, gia cầm	MDV-11
1997	Micosin 25% Solution	Tilmicosin (as Tilmicosin phosphate)	Chai, can	10, 50, 100, 120, 500ml, 1, 2, 5, 10 l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, gà, lợn	MDV-12
1998	Enflox 20% Solution	Enrofloxacin	Chai, can	10, 50, 100, 120, 500ml, 1, 2, 5, 10 l	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm ruột, tụ huyết trùng, bệnh sốt thương hàn và phó thương hàn, nhiễm trùng đường tiết niệu, vết thương trên gia cầm, lợn, bê, nghé, cừu, dê	MDV-13

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1999	Anagin-C	Analgin; Vitamin C	Chai,	10, 20, 50, 100, 120, 250, 500ml	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress trên trâu, bò, heo, gà, vịt	MDV-14
2000	F-200 Oral Solution	Florfenicol	Chai, can	10, 50, 100, 120, 500ml, 1, 2, 5, 10 l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	MDV-15
2001	Diclacox	Diclazuril	Chai, can	10, 50, 100, 500ml, 1, 2, 5, 10 l	Trị bệnh cầu trùng	MDV-16
2002	Pigcox 5%	Toltrazuril 5%	Chai, lọ, can	10, 50, 100, 500ml, 1, 2, 5, 10 l	Trị cầu trùng trên heo, bê, nghé, dê cừu	MDV-19
2003	T.C FORT inj	Tylosin; Colistin Sulphate	Chai, lọ	10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu bò, cừu, lợn	MDV-21
2004	I.F-100	P.V.P Iodin		100, 120, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20l	Sát trùng chuồng trại, cơ sở chăn nuôi, kho hàng, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi và dùng trong phẫu thuật	MDV-17
2005	Good farm L	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 120, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20 l	Sát trùng chuồng trại, cơ sở chăn nuôi, kho hàng, cơ sở giết mổ, dụng cụ và trang thiết bị chăn nuôi	MDV-18
2006	Easy mark	Xanh Methylen	Chai, lọ, can	100, 120, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20l	Sát trùng ngoài da và vết thương	MDV-20
2007	Dextovet inj	Doramectin	Ống, chai	5; 10; 15; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên lợn	MDV-22
2008	Egg formula	Oxytetracycline, Neomycin, Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, Nicotinamide, L-Lysine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm	MDV-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2009	Dinamix 10% premix	Tiamulin hydrogen fumarate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu	MDV-24
2010	G-mox 100 Premix	Amoxycicline trihydrate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, nhiễm trùng da và niêm mạc	MDV-25
2011	Tilvet 20% premix	Tilmicosin phosphate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên heo, gia cầm	MDV-26
2012	NEO 700	Neomycin sulphate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị viêm dạ dày ruột trên bê, cừu, dê, heo, gia cầm	MDV-27
2013	G-MOX 800	Amoxycicline trihydrate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên gia súc, gia cầm	MDV-28
2014	G-DOX 750	Doxycilline	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên gia súc, gia cầm	MDV-29
2015	TM 900	Sulfadiazine, Trimethoprim	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa, hô hấp	MDV-30
2016	FLOR 500	Florfenicol	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, tiết niệu, hô hấp	MDV-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2017	ENRO 500	Enrofloxacin hydrochloride	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị viêm phổi, phế quản, tụ huyết trùng, CRD, nhiễm khuẩn đường ruột	MDV-32
2018	COLIS 500	Colistin sulphate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi các vi khuẩn Gram âm mẫn cảm với colistin	MDV-33
2019	PARAVET	Paracetamol	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Hạ sốt, giảm đau, kết hợp trong điều trị bệnh trên gia súc, gia cầm	MDV-34
2020	Respi-Help	Bromhexine hydrochloride	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị triệu chứng về rối loạn hô hấp - giảm cơn hen	MDV-35
2021	Decolvet	Paracetamol	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Giảm đau, hạ sốt, trị cảm nóng, giải nhiệt	MDV-36
2022	FLOXIN 20% Oral	Norfloxacin	Chai, can	10; 50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	MDV-37
2023	COLISOL	Colistin sulphate	Chai, can	10; 50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	MDV-38
2024	DOXY 10% Oral	Doxycycline (as hyclate)	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	MDV-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2025	CORYZA-TS	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai, can	10; 50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị Coryza, nhiễm khuẩn khác nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimethoprim	MDV-40
2026	SPC *Solution*	Colistin sulphate, Spectinomycin base	Chai, can	10; 50; 100; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	MDV-41
2027	G-Mox 15% L.A inj	Amoxycillin base	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên gia súc, gia cầm	MDV-42
2028	G-MOX Plus inj	Amoxicillin Trihydrate, Clavulanic Acid	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu, viêm da, viêm vú, viêm tử cung	MDV-43
2029	CEFTIFEN inj	Ceftiofur base	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	MDV-44
2030	LS-Fort inj	Spectinomycin base, Lincomycin base	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	MDV-45
2031	F-300 inj	Florfenicol	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	MDV-46
2032	Ketoject 10%	Ketoprofen	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Giảm đau trong các trường hợp viêm khớp, viêm vú, viêm đường hô hấp	MDV-47
2033	TM 20% L.A inj	Oxytetracycline base	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	MDV-48
2034	TYLANJECT 200	Tylosin base	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, lỵ	MDV-49
2035	Feron-plus inj	Iron dextran, Vitamin B12	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên bê, nghé, heo con	MDV-50

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2036	F-PIN inj	Flunixin	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Kháng viêm, giảm đau, hạ sốt, làm giảm các triệu chứng ho, khó thở	MDV-51
2037	CATOVET inj	Butaphosphan, Vitamin B12	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Tăng lực, hỗ trợ điều trị bệnh	MDV-52
2038	SELEN-E inj	Vitamin E, Sodium selenite	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin E, Selenium trên gia súc, gia cầm	MDV-53
2039	ADE-JECT	Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin A	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị thiếu Vitamin A, D, E trên trâu, bò, ngựa, heo, cừu, dê, heo, gia cầm	MDV-54
2040	THIAM ject	Thiamphenicol	Ống, chai	10; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng trên gia súc, gia cầm	MDV-55
2041	Gendox fort	Gentamycin sulphate, Doxycycline hyclate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với gentamycin hoặc doxycycline	MDV-56
2042	Amo-Colis wsp	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	MDV-57
2043	G-Dox 20% wsp	Doxycycline hyclate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin trên gia súc, gia cầm	MDV-58
2044	Eryvet powder	Erythromycin thiocyanate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị CRD, sưng phù đầu (Coryza), tụ huyết trùng, viêm khớp trên gia cầm	MDV-59
2045	Coli-Chick	Colistin sulphate, Trimethoprim	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa trên bê, nghé, heo con, dê, cừu, gia cầm	MDV-60

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2046	Mico-S wsp	Tylosin tartrate, Doxycycline hyclate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, gia cầm	MDV-61
2047	Doxy-Colis	Doxycycline hyclate, Colistin sulphate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	MDV-62
2048	Danovet powder	Danofloxacin	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MDV-63
2049	Amogen powder	Amoxicillin trihydrate, Gentamicin sulfate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị E.coli, viêm ruột hoại tử, THT, TH, coryza, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	MDV-64
2050	Fluvet 500 powder	Flumequine	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia cầm	MDV-65
2051	Fluvet 200 powder	Flumequine	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	MDV-66
2052	Erymix	Erythromycin (thiocyanate)	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị CRD, sưng phù đầu (Coryza) trên gia cầm	MDV-67
2053	F-100 Premix	Florfenicol	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên heo	MDV-68

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2054	Colistin 10% Premix	Colistin sulphate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 15; 20; 25kg	Trị tiêu chảy, phó thương hàn, Salmonella trên gia súc, gia cầm	MDV-69
2055	Neox-mix	Oxytetracycline HCl, Neomycin sulfate	Bao, gói	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị CRD, CCRD, tụ huyết trùng, thương hàn, viêm khớp, viêm ruột trên gia cầm và viêm ruột, tiêu chảy, đóng dấu son, xoắn khuẩn trên heo	MDV-70
2056	Cefti-S inj	Ceftiofur	Chai	500 mg; 1, 2, 5, 10g	Trị nhiễm trùng hô hấp, nhiễm trùng máu, viêm khớp, tiêu chảy, viêm ruột, và nhiễm khuẩn mô mềm trên gia súc, gia cầm	MDV-71
2057	Coliamcin inj	Ampicillin base, Colistin sulfate	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 120, 200, 250, 500ml	Trị tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	MDV-72
2058	Flor-Dox 150 inj	Doxycyline hyclate, Florfenicol	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 120, 200, 250, 500ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi trên gia súc, gia cầm	MDV-73
2059	Ultra Flor-400 inj	Florfenicol	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 120, 200, 250, 500ml	Trị thương hàn và các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc	MDV-74
2060	Floject plus	Florfenicol, Flunixin	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 120, 200, 250, 500ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa có kèm theo sốt trên gia súc, gia cầm	MDV-75
2061	Bron-E	Bromhexine, Eucalyptol	Can, chai	10, 50, 100, 120, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Gây giãn phế quản, long đờm, sát trùng đường hô hấp trong điều trị hen, suyễn, viêm phế quản mạn tính trên gia súc	MDV-76

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2062	Mucolyt	Bromhexine hydrochloride	Can, chai	10, 50, 100, 120, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Làm giảm dịch nhờn, dịch nhầy, đờm, chống co thắt phế quản, cắt các cơn hen, suyễn, khó thở, vẩy mỏ trên gia súc, gia cầm	MDV-77
2063	Flumesol-20	Flumequine	Can, chai	10, 50, 100, 120, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân xanh, phân trắng trên gia súc, gia cầm	MDV-78
2064	Oxovet 5% solution	Oxolinic acid	Can, chai	10, 50, 100, 120, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Trị nhiễm trùng huyết, nhiễm trùng đường tiêu hóa như viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, bạch lỵ, viêm rốn, trên gia cầm	MDV-79
2065	Catosol B12	Butafosfan và vitamin B12	Can, chai	10, 50, 100, 120, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Tăng lực, chống rối loạn chuyển hóa, tăng cường năng xuất và sức chống chịu của gia súc, gia cầm	MDV-80
2066	Colijject	Colistin Sulphate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên gia súc	MDV-81
2067	Eryject 20 inj	Erythromycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị viêm phổi, hen suyễn, viêm phổi phức hợp, viêm vú, viêm tử cung, viêm ruột, tiêu chảy trên gia súc	MDV-82
2068	Flumesol-10	Flumequine	Can, chai	10; 50; 100; 120; 200; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	MDV-83
2069	Aspifen	Vitamin C, Acetylsalicylic acid	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10, 20, 25kg	Giảm đau, hạ sốt trên gia súc, gia cầm	MDV-84
2070	Clamox wsp	Amoxicillin, Clavulanic acid	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	MDV-85

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2071	Coli-S Pro	Colistin sulphate, Trimethoprim	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng đường ruột	MDV-86
2072	Coliamcin wsp	Ampicillin, Colistin sulphate	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm	MDV-87
2073	Oxolin 200	Oxolinic acid	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm ruột, tiêu chảy trên gia súc, gia cầm	MDV-88
2074	Respi-E	Erythromycin, Neomycin	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MDV-89
2075	Ultrabac premix	Tiamulin hydrogen fumarate, Chlortetracycline hydrochloride	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh suyễn, viêm phổi phức hợp, kiết lỵ, viêm hồi tràng, đại tràng trên heo	MDV-90
2076	Diluent (Nước pha vaccine)	NaCL	Chai, lọ	3,5; 5; 9; 17; 20; 30; 34; 40; 50; 70; 100; 200; 250; 400; 500ml	Dung dịch pha vắc xin đông khô dùng để tiêm, nhỏ mắt, mũi, miệng	MDV-91
2077	Fenaject	Diclofenac	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị viêm khớp, đau cơ, giảm sốt trên trâu, bò, dê, cừu, heo	MDV-92
2078	Marbomax LA inj	Marbofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú trên bò	MDV-93

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2079	Calphoject	Calcium (as gluconate monohydrate),Magnesium hypophosphite	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Phòng và trị các trường hợp thiếu hụt can xi cấp tính (giảm can xi huyết), thiếu hụt ma giê trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	MDV-94
2080	Enflox 10% LA inj	Enrofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, viêm vú, nhiễm trùng kế phát trên trâu, bò, lợn	MDV-95
2081	Ferovit Plus inj	Iron, Cobalt (gluconate), Copper (gluconate), Vitamin B12	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Phòng và trị thiếu máu do thiếu sắt trên trâu, bò, ngựa, dê, heo	MDV-96
2082	Vitoject	Vitamin B1, B2, B6, B12, Calcium Pantotenate, Nicotinamide	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Phòng ngừa và điều trị các bệnh thiếu vitamin, rối loạn tăng trưởng, còi xương, xốp xương, các bệnh về da, sinh sản trên trâu, bò, ngựa, dê, heo	MDV-97
2083	Cobacin inj	Cefquinome sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm da, viêm móng, thối móng, viêm vú, nhiễm trùng huyết trên trâu, bò, lợn	MDV-98
2084	Fendox inj	Doxycyline, Florfenicol	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn	MDV-99
2085	Genvet inj	Gentamicin sulphate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	MDV-100
2086	Fluvet-500 oral solution	Flumequine	Chai, can	10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, tụ huyết trùng trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	MDV-101

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2087	FENDOX Oral Solution	Florphenicol, Doxycycline	Chai, can	10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	MDV-102
2088	Linco-Dox Solution	Doxycycline HCL, Lincomycin HCL	Chai, can	10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	MDV-103
2089	Neosol 99	Neomycin (sulphate)	Chai, can	10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Tri nhiễm trùng đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó	MDV-104
2090	Daimenton Plus Liquid	Sulfamonomethoxin, Trimethoprime	Chai, can	10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm, thỏ	MDV-105
2091	Diflox 100 oral solution	Difloxacine	Chai, can	10; 20; 50; 100; 120; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	MDV-106
2092	Nilstat wsp	Nystatin	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25kg	Trị nấm trên trâu, bò, dê, cừu, gia cầm	MDV-107
2093	Farm-guard	Benzalkonium chloride, Glutaraldehyde, Amyl acetate	Chai, can	100; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, trang thiết bị chăn nuôi	MDV-108

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2094	Clos-BMD	Bacitracin methylen disalicylate	Gói, hộp, bao	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 2; 5; 10, 20, 25kg	Trị viêm ruột trên heo, gia cầm	MDV-109
2095	Diclacox 50 Premix	Diclazuril	Gói, túi, bao	20, 50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 15, 20, 25kg	Phòng bệnh cầu trùng do Eimeria spp trên gia cầm, gà tây và thỏ	MDV-110
2096	Ivermix-60	Ivermectin	Gói, túi, bao	20, 50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 15, 20, 25kg	Đặc trị ký sinh trùng đường tiêu hóa Ascaris suum, Hyostrongylus rubidus, Oesophagostomum spp, Strongyloides ransomi và giun phổi Metastrongylus spp, rận và ghẻ trên heo	MDV-111
2097	Lincomix	Lincomycin hydrochloride	Gói, túi, bao	20, 50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 15, 20, 25kg	Trị các bệnh lỵ, bệnh viêm phổi và bệnh đường ruột khác trên gia súc	MDV-112
2098	Linco 400 Powder	Lincomycin base	Gói, túi, bao	20, 50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 15, 20, 25kg	Phòng và trị viêm ruột hoại tử, CRD và viêm túi khí, nhiễm khuẩn Mycoplasma synoviae ở gia cầm; viêm đường hô hấp, viêm phổi, viêm ruột ở gia súc	MDV-113
2099	Tina-Dox Premix	Doxycycline, Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, túi, bao	20, 50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 15, 20, 25kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn mẫn cảm với doxycycline và tiamulin, đặc hiệu trong điều trị hội chứng hô hấp do A. pleuropneumoniae và P. multocida ở heo	MDV-114

18. CÔNG TY TNHH VIỆT TRUNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2100	VT-Ampicoli	Ampicillin trihytrate, Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột ở gia súc, gia cầm do vi trùng Gram âm và Gram dương	VT-1
2101	VT-Tylodoxy	Tylosin tatrate; Doxycyclin	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycyclin	VT-2
2102	VT-Tylocoli	Tylosin tatrate; Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Colistin	VT-3
2103	VT-Colidoxy	Doxycyclin; Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị CRD, viêm ruột, viêm khớp, viêm xoang mũi	VT-4
2104	VT-Sulmix	Sulphadimethoxine, Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu sinh dục, viêm ruột, tiêu chảy, viêm vú, tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	VT-5
2105	VT-Levamisol	Levamisole	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Tẩy các loại giun tròn nhạy cảm với Levamisole trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VT-6
2106	VT-ERYCIN	Ampicilline, Erythromycin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline và Erythromycin gây ra trên gia cầm	VT-7
2107	VT-VITAMIN C	Vitamin C	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị thiếu Vitamin C và các chứng chảy máu do thiếu Vitamin C, thiếu máu do thiếu sắt. Tăng sức đề kháng, giảm và ngăn ngừa stress, kích thích thú ăn nhiều, phục hồi nhanh sau khi điều trị bệnh	VT-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2108	VT-NEOCOLI	Neomycin, Colistin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	VT-9
2109	VT-SULCILIN	Ampicilline, Sulfadimethoxin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm khuẩn máu, sinh dục, tiết niệu trên bê, nghé, dê cừu non, ngựa non, lợn, gia cầm	VT-10
2110	VT-OXYLINE	Oxytetracycline	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	VT-11
2111	VT-FLUMEQUIN	Flumequine	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp và tiết niệu trên bê, nghé, gia cầm	VT-12
2112	VT-GENTADOXY	Doxycycline, Gentamycine	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn và gia cầm	VT-13
2113	VT-COLIMYCIN	Erythromycin, Colistin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin và Colistin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VT-14
2114	VT-OXYTYLO	Oxytetracycline, Tylosine	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn và gia cầm	VT-15
2115	VT-AMOXYLIN	Amoxycilline	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng huyết, thương hàn trên trâu, bò, heo, gia cầm	VT-16
2116	Vt-Enro	Enrofloxacin	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu	VT-17
2117	Vt-Tricolis	Colistin sulfate, Trimethoprim	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa	VT-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2118	Vt-Colis	Colistin sulfate	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	VT-19
2119	Vt-Flocol	Florfenicol	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, gây bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	VT-20
2120	Vt -Torazurin	Toltrazuril	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị cầu trùng trên gia cầm	VT-21
2121	Vt-Plu	Flumequin	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm, bê, cừu, dê, lợn	VT-22
2122	Vt-Specmycin	Spectinomycin, Colistin Sulphate	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị tiêu chảy phân trắng, vàng, phân lẫn máu trên heo con	VT-23
2123	Vt-Sulfatrim	Sulfadiazin Trimethoprim	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp trên bê, cừu, dê, gia cầm và lợn	VT-24
2124	Vt-Colydoxy	Doxycycline hyclate Colistin sulfate	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa và đường hô hấp gây ra bởi vi sinh vật nhạy cảm với doxycycline và colistin	VT-25
2125	Vt-Vitamin B1 2,5%	Vitamin B1	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng. Dùng cho gia súc sau khi ốm dậy, gầy yếu, biếng ăn khó tiêu hóa, chậm lớn	VT-26
2126	Vt-Analgin C	Analgin, Vitamin C	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Phòng và điều trị các trường hợp cảm sốt, viêm khớp trên trâu, bò, lợn, gà, vịt...	VT-27
2127	Vt-Bomaga	Methionin, Vitamin B6	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Bổ gan, lợi mật, nhuận tràng, giảm co thắt, giảm phù nề, phù phổi. Hỗ trợ điều trị chướng hơi, bệnh nghệ, phân trắng lợn con	VT-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2128	Vt-Tiamulin	Tiamulin HF	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gà	VT-29
2129	Vt-Timicin	Tilmicosin phosphate	Chai	10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo, gia cầm	VT-30
2130	Vt-Derstil	Triclabendazol	Gói	6; 12; 24; 50; 100; 500g; 1kg	Diệt sán lá gan trên trâu, bò, dê, cừu	VT-31

19. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2131	Dịch tả heo	Siêu vi trùng Dịch tả heo nhược độc	Chai (10 - 25 liều)	1ml	Phòng bệnh dịch tả heo	TWII-2
2132	Newcastle hệ F	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai (100 liều)	1,5ml	Phòng bệnh Newcastle	TWII-3
2133	Newcastle hệ M	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh Newcastle	TWII-4
2134	Laxota	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh Newcastle	TWII-5
2135	Đậu gà	Siêu vi trùng đậu gà nhược độc	Chai (100 liều)	1ml	Phòng bệnh đậu gà	TW2-6
2136	Dịch tả vịt	Siêu vi trùng dịch tả vịt nhược độc	Chai (200, 500, 1000 liều)	1ml 1,5ml	Phòng bệnh dịch tả vịt	TWII-8
2137	Tụ huyết trùng heo	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng heo	TWII-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2138	Thương hàn heo	Vi khuẩn phó thương hàn vô hoạt	Chai	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh thương hàn heo	TWII-10
2139	Tụ huyết trùng P52	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	TWII-12
2140	Penicillin potassium	Penicillin potassium	Chai	1.000.000 UI	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc, gia cầm	TWII-15
2141	Penicillin G sodium	Penicillin G sodium	Chai	1.000.000 UI	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc, gia cầm	TWII-16
2142	Streptomycin sulfate	Streptomycin sulfate	Chai	1g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-17
2143	Combiocin	Streptomycin sulfate, Benzylpenicillin potassium	Chai	Chai (1g Streptomycin sulfate và 1.000.000 U.I Benzylpenicillin potassium)	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc, gia cầm	TWII-18
2144	Navet-Tetrasone	Gentamycin sulfate, Oxytetracyclin HCl, Desamethasone	Ống, chai	5ml, 20ml, 50ml, 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-19
2145	Sulmet 20%	Sulfadimidin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-20
2146	Septotrim 24%	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-21
2147	Sulfadiazin 20%	Sulfadiazin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2148	Terra-C	Vit C, Oxytetracyclin HCl, Neomycin sulfate	Gói, xô	10, 50,100, 500g; 1kg, 2kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tăng sức đề kháng trên gia súc, gia cầm	TWII-24
2149	Oxylizon	Oxytetracyclin HCl, Sulfamethoxazole	Gói, xô	50g, 100g, 500g; 1kg, 2kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-25
2150	Terramix 500	Oxytetracyclin	Gói, bao	500g, 1kg, 2kg, 5kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng	TWII-26
2151	Terramycin-Trứng	Oxytetracyclin HCl; Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_5, B_{12}, PP	Gói, hộp	50g, 100g, 500g, 1kg, 2kg	Thuốc bổ sung Vitamin giảm stress, tăng năng suất trứng; phòng các bệnh do vi trùng gây ra trên gà, vịt, cút đẻ trứng	TWII-27
2152	Scour-Solution	Neomycin sulfate, Streptomycin sulfate, Vitamin B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP	Chai	100ml, 200ml, 500ml	Trị các chứng tiêu chảy ở heo	TWII-28
2153	Sulfadimidin 33%	Sulfadimidine sodium, Vitamin PP	Ống, chai	5; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-29
2154	Neotesol	Oxytetracyclin HCl, Neomycin sulfate	Gói	10g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-30
2155	Glucoza 5%	Glucose	Chai	500ml	Phòng, trị mất nước trong, ngoài tế bào	TWII-31
2156	Sinh lý mặn	Natri chlorua	Chai	25, 100ml, 500ml	Phòng và chữa bệnh mất nước trong, ngoài tế bào	TWII-32
2157	Vitaject ADE	Vitamin A, D_3, E	Ống, chai	5; 20; 50; 100ml	Bổ sung Vitamin	TWII-33
2158	Campovit	Cao gan	Chai, ống	10ml	Bổ sung Vitamin	TWII-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2159	Calci ADE	Calcium phosphate, Vitamin A, D3, E	Gói	10g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Bổ sung Vitamin A, D, E; Calcium và Phospho giúp gia súc, gia cầm phát triển và sinh sản tốt	TWII-35
2160	Calcium-B_{12}	Calcium gluconat, Vitamin B_{12}	Chai	20ml, 50ml, 100ml	Phòng và trị một số bệnh do thiếu Calcium, thiếu máu ở gia súc và chó, mèo	TWII-36
2161	B-Complex	Vitamin nhóm B	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Thuốc bổ sung Vitamin	TWII-37
2162	Vitamix	Vitamin, các vi lượng	Gói, bao	100g, 400g, 500g, 1kg; 2kg, 5kg	Thuốc bổ sung chất dinh dưỡng	TWII-38
2163	Levamisol 7,5%	Levamisole HCl	Chai	20ml,50ml, 100ml	Trị ký sinh trùng trên gia súc	TWII-39
2164	Calci Gluconate	Calci	Ống	5ml	Thuốc bổ sung Calci	TWII-40
2165	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B1	Ống	5ml	Bổ sung Vitamin	TWII-41
2166	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống	5ml	Bổ sung Vitamin	TWII-42
2167	Analgin 20%	Analgin	Chai, ống	5, 20, 50, 100ml	Thuốc giảm đau, hạ nhiệt dùng cho gia súc	TWII-43
2168	Kanamycin 10%	Kanamycin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-44
2169	Ampicillin sodium	Ampicillin	Chai	500mg	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-45
2170	Navet- Enro 100	Enrofloxacin HCL	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, viêm nhiễm ngoài da, vết thương	TWII-46
2171	Gentamicin 4%	Gentamycin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-47
2172	Genta-Tylan	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2173	Neo-Kanamycin 10%	Kanamycin, Neomycin	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-50
2174	Oxytocin	Oxytocin	Ống, chai	2, 20, 50, 100ml	Kích thích tiết sữa, thúc đẻ cho gia súc	TWII-51
2175	Suanovet 5	Spiramycin	Ống, chai	5, 50ml, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-52
2176	Trisulfatrim	Sulfamid	Ống, chai	5, 20, 50ml, 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-53
2177	Navet- Doxy-T	Tylosin tartrate, Doxycyclin, Dexa	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm phế quản, hồng lỵ trên trâu, bò, dê, cừu, heo	TWII-54
2178	Tylomycin	Streptomycin, Tylosin	Gói	1g, 5g	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-55
2179	Suanovet 10	Spiramycin	Chai	50ml, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-56
2180	Terra-colivit	Oxytetracyclin, Vitamin	Gói, hộp	50, 100g, 500g; 1kg, 2kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, giảm stress cho gia súc, gia cầm	TWII-57
2181	Lincomycin 10%	Lincomycin HCl	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, máu, tiết niệu - sinh dục trên gia súc, gia cầm	TWII-58
2182	Lincoseptrim	Lincomycin,Sulfamid	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-59
2183	Regecoccin	Regecoccin	Gói	5g, 25g	Điều trị bệnh nhiễm trùng	TWII-60
2184	Vitacalcium	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, PP, C; $ZnSO_4$,$CuSO_4$, $FeSO_4$, $MnSO_4$, Methionin, Lysin, Cholin, Dicalciphosphate	Gói, bao	100g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg	Bổ sung vitamin cho gia súc, gia cầm	TWII-61

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2185	Tetra-Strep	Oxytetracyclin, Streptomycin	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1kg, 2kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-62
2186	Norfloxillin	Norfloxacin	Ống, chai	5, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-63
2187	Nhiệt thán	Nha bào nhiệt thán nhược độc	Chai	10; 20; 40 liều	Phòng bệnh nhiệt thán	TWII-64
2188	Gumboro	Siêu vi trùng Gumboro nhược độc	Chai	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh Gumboro	TWII-65
2189	Newcastle chịu nhiệt	Siêu vi trùng Newcastle nhược độc	Chai	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh Newcastle	TWII-66
2190	Amfa-C	Ampicillin trihydrate, Sulfamethoxazole, Vitamin C	Gói, hộp	100g, 500g, 1kg, 2kg	Điều trị nhiễm trùng đường tiêu hóa	TWII-69
2191	Navet-Saracin	Sarafloxacin HCL	Gói	5; 10; 50; 100g	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sarafloxacin gây ra tiêu chảy trên heo con	TWII-70
2192	Navet-Cef	Ceftiofur	Chai	100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, THT, thối móng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	TWII-71
2193	Tụ huyết trùng gia cầm	Vi khuẩn tụ huyết trùng vô hoạt	Chai	10; 25; 50; 100 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng gia cầm	TWII-72
2194	T.T.S-Plus	Tylosin, Sulfamid	Gói, hộp	50g,100g, 500g; 1kg, 2kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa tiết niệu, sinh dục trên gia súc, gia cầm	TWII-73
2195	Navet-Vita-Plus	Sulfate kẽm, Vitamin A, D_3, E, H	Gói, hộp	50g, 100g, 500g, 1kg, 2kg	Bổ sung chất dinh dưỡng, kích thích sự sinh trưởng và phát triển ở gia súc, gia cầm	TWII-74
2196	Navet-Tylan-Vit	Vit C,Tylosin, Sulfa	Gói	10g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa; tăng sức đề kháng cho gia súc, gia cầm	TWII-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2197	Navet-Oxytetra 100	Oxytetracycline HCL	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu trên gia súc	TWII-80
2198	Vita Electrolytes	Vitamin, khoáng vi lượng	Gói, hộp	50g, 100g, 500g, 1kg, 2kg	Thuốc bổ sung chất dinh dưỡng	TWII-81
2199	Trimecol	Trimethoprim, Colistin sulfate	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-82
2200	Tiacol	Tiamulin hydrogen furmarate, Colistin sulfate, Bromhexin	Chai	20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-83
2201	Navet- Enro	Enrofloxacin HCL	Chai	200ml	Trị phó thương hàn, phù đầu do E.coli, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột trên heo con	TWII-84
2202	Navet-Fenben	Fenbendazole	Gói	5; 10; 50; 100g	Tẩy giun sán ở phổi, ở đường ruột, thận cho trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo	TWII-85
2203	B-K-A	Benzalkonium	Bình	100, 500ml, 1; 2lít	Sát trùng, tiêu độc	TWII-86
2204	Navet-Thiasone	Thiamphenicol	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo	TWII-87
2205	Pyrisul	Sulfamid, Pyrimethamine	Chai	200ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	TWII-91
2206	Ivermectin	Ivermectin	Chai	20, 50ml	Điều trị các bệnh ký sinh trùng	TWII-92
2207	Dexasone	Dexamethasone Na phosphate	Chai	20; 50; 100ml	Thuốc kháng viêm, chống dị ứng và stress trên gia súc	TWII-93
2208	Anti-ecto	Permethrin	Chai	100; 120; 200ml	Trị ký sinh trùng trên chó, mèo	TWII-94
2209	Clear Dog	Permethrin, Sulfate Zn, Vitamin E	Chai	50; 100; 200ml	Làm sạch da, mượt lông, phòng chống các bệnh ký sinh trùng ngoài da	TWII-95

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2210	Vacxin dịch tả vịt tế bào đông khô	Giống virus Dịch tả vịt nhược độc trên tế bào	Chai	4ml	Phòng bệnh dịch tả vịt	TWII-96
2211	Benkocid	Benzalkonium, glutaradehyde	Chai, can	500ml; 1; 2; 5 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại	TWII-97
2212	Navet-Vitamin-C Antistress	Vitamin C, A. citric	Gói	100g	Tăng cường sức đề kháng, chống stress	TWII-98
2213	Chloramin T	Chloramin T	Gói	1kg	Sát trùng chuồng trại, lò mổ, máy ấp trứng,...	TWII-99
2214	Navet- iodine	PVP iodine	Bình	100; 500ml; 1; 2; 5; 20 lít	Sát trùng chuồng trại, phương tiện vận chuyển, dụng cụ	TWII-100
2215	Vắc xin xuất huyết thỏ	Vi rút xuất huyết thỏ callicivirus	Chai	20; 50 liều	Phòng bệnh xuất huyết truyền nhiễm do callicivirus cho thỏ	TWII-101
2216	Navet-Tylosin 100	Tylosin tartrate	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh nhiễm trùng trên gia súc	TWII-102
2217	Navet-Cox	Toltrazuril	Chai	100; 200ml	Trị bệnh cầu trùng trên heo con	TWII-103
2218	Navetcide	Glutaraldehyde, Benzalkonium cloride	Bình	100; 500ml; 1; 2; 5; 20l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiện vận chuyển	TWII-104
2219	Navet-Flor	Florphenicol	Chai, ống	5; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, lợn	TWII-106
2220	ADE B.Complex	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, PP	Chai	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh do thiếu hụt Vitamin, hồi phục sức khỏe sau điều trị trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gia cầm	TWII-107
2221	Calcifort-B_{12}	Calci gluconate, Acid boric, Acid glutamic, Magnesi carbonate, Vitamin B12	Ống, chai	5; 10; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu Calcium và thiếu máu trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	TWII-108

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2222	Navet-Analgin C	Analgin, Vitamin C	Chai	20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt, tăng sức đề kháng	TWII-109
2223	Navet-Analgin 30%	Analgin	Chai	20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt	TWII-110
2224	Navet-Tylosin 200	Tylosin tartrate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-111
2225	Navet-Pen-Strep	Penicillin G Procain, Dihydrostreptomycin sulfate	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-112
2226	Navet-Oxytetra 200	Oxytetracycline HCl	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc, gia cầm	TWII-113
2227	Navetkon-S	Potassium monopersulfate, Sodium dodecyl benzene sulphonate, Acid malic, Acid Sulphamic, Sodium hexametaphosphate	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Tiêu độc, sát trùng chuồng trại, dụng cụ, phương tiên vận chuyển, tiêu độc xác súc vật chết	TWII-114
2228	Vắc xin THT trâu bò nhũ dầu chủng P52	Vi khuẩn P.multocida serotype B:2 vô hoạt	Chai	20; 50ml	Phòng bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	TWII-115
2229	Navet-Marbocin	Marbofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-116
2230	Navet-Amoxy	Amoxicillin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn và tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2231	Navet-Marbocin 10	Marbofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-118
2232	Navet-Xinil	Nitroxinil	Ống, chai	5; 20; 50; 100ml	Trị ký sinh trùng trên gia súc	TWII-119
2233	Navet-Ampicol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Chai	20; 50; 100ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn trên gia súc	TWII-120
2234	Navet-Fer + B12	Iron (sắt), Vitamin B12	Chai	20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên heo con, bê, nghé	TWII-121
2235	Navet-Streptapen	Procain penicillin G, Dihydrostreptomycin sulfate	Chai	20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với penicillin và streptomycin trên gia súc	TWII-122
2236	Navet-Interferon	Interferon alpha tái tổ hợp	Chai	4; 10ml	Hỗ trợ điều trị cùng với kháng sinh đối với bệnh viêm vú bò do vi khuẩn gây ra	TWII-123
2237	Navet-Norflox-C	Norfloxacin HCl, vitamin C	Túi, hộp, bao	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm	TWII-124
2238	Navet-Neo-Dox	Doxycycline hyclate, Neomycin sulfate	Túi, hộp, bao	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	TWII-125
2239	Navet-Tylo-Dox	Doxycycline HCl, Tylosin tartrate	Túi, hộp, bao	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	TWII-126
2240	Navet-Gentamox	Gentamicin sulfate, Amoxycillin trihydrate micronized	Chai	20, 50, 100, 500ml	Trị bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục trên gia súc	TWII-127

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2241	Navet-Cox 2,5%	Toltrazuril	Chai	100, 200, 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	TWII-128
2242	Navet-Verxil	Nitroxinil, Ivermectin	Ống, chai	5; 20; 50; 100ml	Trị ký sinh trùng trên gia súc	TWII-129
2243	Navet-Kháng gum	Kháng thể Gumboro	Chai	20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh Gumboro trên gia cầm	TWII-131
2244	Navet-Mytox	Deltamethrin	Chai	100ml, 120ml, 200ml	Phòng và trị các bệnh do ngoại ký sinh trùng gây ra trên gia súc	TWII-132
2245	Vắc xin đậu dê nhược độc đông khô	Virus đậu dê nhược độc chủng GTQ	Chai	25; 50 liều	Phòng bệnh đậu cho dê	TWII-133
2246	Navet-Butavit	Butafosfan, Vitamin B12	Ống, chai	5ml; 20; 50; 100ml	Phục hồi, hỗ trợ sức khỏe cho gia súc trong quá trình điều trị bệnh; phòng trị chứng suy dinh dưỡng ở gia súc	TWII-134
2247	Aftovax Monovalent type O	Kháng nguyên LMLM type O ($O_{1manisa} + O_{3039}$)	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò	TWII-135
2248	Aftovax Bivalent	Kháng nguyên LMLM type O, A	Chai	20; 50; 100; 500ml	Phòng bệnh LMLM trên trâu, bò, dê, cừu	TWII-136
2249	Navet-Vifluvac (H5N1 subtype, vô hoạt nhũ dầu)	Virus cúm A/H5N1 chủng NIBRG-14 vô hoạt	Chai	20; 50ml	Phòng bệnh cúm gia cầm subtype H5N1 cho gà, vịt	TWII-137
2250	Vắc xin vô hoạt tụ huyết trùng dê	Pasteurella multocida serotype B:2, A:1 và Pasteurella haemolytica týp A	Chai	10; 25; 50 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng trên dê	TWII-138

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2251	Vắc xin nhị giá tụ huyết trùng và E.coli vịt nhũ dầu	Pasteurella multocida serotype A:1, Escherichia coli serotype O: 78	Chai	20ml (20 liều); 50ml (50 liều); 100ml (100 liều)	Phòng bệnh tụ huyết trùng và E.coli trên vịt	TWII-139
2252	Navet-Vitamix Soluble	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B5, B6, PP, C, B12, Acid Folic, Biotin	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 2; 5; 20kg	Giảm stress trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TWII-141
2253	NAVET-VITA-M	Vitamin C, Vitamin E, Methionin	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 2; 5; 20kg	Phòng trị thiếu vitamin E, C và Methionine, tăng cường sức đề kháng bệnh, chống Stress	TWII-142
2254	NAVET-BIOVIT	Hệ vi khuẩn lên men lactic VTM (A, D3, E, K3, B1, B2, B5, B6, PP, B12), Acid folic; Cholic	Gói, bao	100; 250; 500g; 1; 2; 5; 20kg	Bổ sung vi sinh vật lên men tiêu hóa, các vitamin, chống Stress, ức chế vi khuẩn có hại phòng bệnh đường ruột	TWII-143
2255	Vắc xin nhị giá tụ huyết trùng và phó thương hàn heo nhược độc đông khô	Pasteurella Multocida, chủng AvPS-3; Salmonella cholerae suis O: 6,7; H: 1,5, chủng Smith	Lọ	10; 20 liều	Phòng bệnh tụ huyết trùng và phó thương hàn trên heo	TWII-144
2256	Navet-Vigavit	Kháng thể viêm gan vịt	Chai	50; 100ml	Phòng và trị bệnh viêm gan vịt	TWII-145

20. CÔNG TY LIÊN DOANH BIO-PHARMACHEMIE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2257	Biotin Plus	Vitamin A; Biotin; Zn	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Cung cấp vitamin, khoáng chất, trị bệnh về lông, da	LD-BP-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2258	BIO-VITADOX	Doxycycline	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Phòng - trị các bệnh đường hô hấp và tiêu hóa, bệnh nhiễm trùng	LD-BP-15
2259	BIO-LINCOMIX	Lincomycine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Trị bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục ở gia súc, gia cầm	LD-BP-16
2260	BIO-FLUM 100	Flumequine	Gói, hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị tiêu chảy phân trắng, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm rốn ở gia súc, gia cầm	LD-BP-22
2261	BIO-T.M.P.S 48%	Trimethoprim, Sulfadiazine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm móng khớp	LD-BP-27
2262	BIO-TETRA 10%	Tetracycline	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung	LD-BP-29
2263	BIO-ERY 5,5%	Erythromycine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng, trị các bệnh hô hấp ở gia súc, gia cầm	LD-BP-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2264	Bio-Tetra.Colivit	Colistin, Oxytetracycline, Vitamin A, D3, E, K3, B12, Riboflavin, Ca pantothenate, Niacinamide	Gói, hộp, bao	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 20kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm và heo	LD-BP-34
2265	BIO-AD3E	Vitamin A, D, E	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng - trị bệnh thiếu vitamin A, D, E ở gia súc	LD-BP-37
2266	BIO-ANFLOX 100	Norfloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr (-), gr (+) ở gia súc, gia cầm	LD-BP-38
2267	BIO-ANFLOX 50	Norfloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr (-), gr (+) và Mycoplasma ở gia súc, gia cầm	LD-BP-39
2268	BIO-E.C	Erythromycin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp CRD, viêm xoang mũi, tiêu hóa, viêm vú	LD-BP-40
2269	BIO-FER	Fer-dextran	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu ở heo con theo mẹ	LD-BP-41
2270	BIO-FER+B12	Fer-dextran	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị thiếu máu ở heo con theo mẹ, do nhiễm trùng và KST	LD-BP-42
2271	BIO-SEPTRYL 24%	Trimethoprim, Sulfa. pyridazine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục, viêm khớp, thối móng	LD-BP-44
2272	BIO-TYLO 200	Tylosine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, tiết niệu, viêm da, viêm tai	LD-BP-45

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2273	BIO-TYFOCID	Thiamphenicol	Chai, lọ	60, 150, 250, 500ml	Trị nhiễm trùng vết mổ vết thiến, ngăn ruồi đục khoét vết thương	LD-BP-46
2274	BIO-B.COMPLEX	Vitamin B	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Phòng, trị bệnh thiếu vitamin nhóm B	LD-BP-47
2275	BIO-CEVIT	Vitamin C	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh thiếu Vitamin nhóm C, tăng cường sức đề kháng	LD-BP-48
2276	BIO-COBAL	Cobalamin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu vitamin B_{12}, suy dinh dưỡng	LD-BP-49
2277	BIO-D.O.C	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Dexa, Bromhexine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, viêm khớp, thối móng	LD-BP-51
2278	BIO-LINCO-S	Lincomycin, Spectinomycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị tiêu ra máu, thương hàn, viêm khớp, nhiễm trùng hô hấp	LD-BP-52
2279	BIO-LEVAMISOL 10%	Levamisol	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị các loại giun trên gia súc, gia cầm…	LD-BP-55
2280	BIO-TIAMULIN 10%	Tiamulin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, hồng lỵ ở heo do Treponema	LD-BP-56
2281	BIO-TIAMULIN	Tiamulin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng trị bệnh hô hấp, viêm khớp, THT, lepto, CRD ở gia súc - gà	LD-BP-57
2282	BIO-KANA	Kanamycine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh viêm nhiễm đường hô hấp và tiêu hóa	LD-BP-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2283	BIO-OXYTOCIN	Oxytocin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Đẻ khó, cơ tử cung co bóp yếu, sót nhau, viêm tử cung, tăng tiết sữa	LD-BP-60
2284	Bio-T.S.T	Tylosin tartrate, Sulfadiazine, Vitamin A, C	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị viêm phổi, thương hàn, phó thương hàn, viêm ruột trên bê, nghé, heo, thỏ, gà, vịt	LD-BP-64
2285	BIO-CRD	Spiramycin, Oxytetracycline	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị các bệnh hô hấp: CRD, CRD + E.Coli, viêm xoang mũi, viêm phổi ở vịt	LD-BP-65
2286	BIO-COLITRIM	Colistin, Trimethoprim	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Điều trị các bệnh đường tiêu hóa và hô hấp ở thú con và gia cầm	LD-BP-66
2287	BIO-COLIDOX	Colistin, Doxycycline	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị bệnh hô hấp mãn tính ở gia cầm, bệnh nhiễm trùng đường ruột, bệnh Lepto	LD-BP-67
2288	Bio-Gentatrim	Gentamycin, Trimethoprim, Niacin	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn trên bê, nghé, heo, gia cầm	LD-BP-72
2289	Bio-Vitamin C10%	Vitamin C	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamin C, tăng cường sức đề kháng cho gia súc	LD-BP-73
2290	BIO-Erythromycin 20%	Erythromycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp trên gia súc, gia cầm	LD-BP-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2291	BIO-TETRA 10% Inj	Tetracycline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma	LD-BP-75
2292	BIO-SUPER-EGG-PROMOTER	Vitamin A, D, E, B, Oxytetracycline	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20; 25kg	Cung cấp đầy đủ Vitamin và Acid amin thiết yếu cho gà thịt, gà đẻ	LD-BP-76
2293	Bio-Electrolytes	NaHCO3; KCl; NaCl	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 30, 100g; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị mất nước do tiêu chảy sốt cao, stress hoặc di chuyển	LD-BP-79
2294	BIO-NORXACIN	Norfloxacin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục ở gia súc, gia cầm	LD-BP-80
2295	BIO-TYCOSONE	Tylosin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục	LD-BP-81
2296	BIO-GENTA-TYLOSIN	Gentamycin, Tylosin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp và sinh dục	LD-BP-82
2297	BIO-ANAZINE	Dipyrone	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Kháng viêm, hạ sốt, giảm đau, an thần, chống stress	LD-BP-83
2298	BIO-Norfloxacin 100 ORAL	Norfloxacin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục ở gia súc, gia cầm	LD-BP-84
2299	BIO-Norfloxacin 200 ORAL	Norfloxacin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng, trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	LD-BP-85

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2300	Bio Vita-Electrolytes	Vitamin A; D3; E; K3; B1; B2; B6; B12; folic acid; Biotin; Niacinamide; $NaHCO_3$; KCl; NaCl; Mn	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	LD-BP-89
2301	BIO-GENTA 10%	Gentamycine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp và sinh dục	LD-BP-91
2302	BIO-DEXA	Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống dị ứng, stress, viêm do nhiễm hoặc không nhiễm trùng	LD-BP-92
2303	BIO-LINCO	Lincomycine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, ngoài da, áp xe	LD-BP-93
2304	Bio Selevet-E	Vitamin E; selenite	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100g; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung Vitamine E và Selenium	LD-BP-95
2305	BIO-ANTICOC	Sulfadimidine, Diaveridine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Điều trị hữu hiệu tất cả các loại cầu trùng ở gia cầm, thỏ và heo	LD-BP-100
2306	BIO-NEO-COLISTIN	Neomycin, Colistin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Phòng trị các bệnh đường tiêu hóa trên gia cầm, heo, bê, nghé	LD-BP-102
2307	BIO-CALCIUM	Calcium	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Điều trị các bệnh thiếu calci, bảo vệ mạch máu, làm tăng đông máu	LD-BP-104

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2308	BIO-SULTRIM 48%	Trimethoprim, Sulfadiazine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị CRD, thương hàn, THT, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú và tử cung	LD-BP-105
2309	BIO-LEVA	Levamisol	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Tẩy sạch các loại giun trên gia súc, gia cầm	LD-BP-109
2310	BIO-ANTISCOURS	Spectinomycine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng - trị tiêu chảy heo con, bê nghé, gia cầm	LD-BP-111
2311	BIO-COLISTIN	Colistin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn G^-	LD-BP-112
2312	BIO-ENROFLOXACIN	Enrofloxacin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, tiêu chảy ở gia súc gia cầm	LD-BP-114
2313	BIO-Cefalexin	Cefalexin	Ống, chai lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị sưng phù đầu cho gà, vịt, phù thũng heo con, THT, viêm phổi	LD-BP-115
2314	BIO-Enrofloxacin 50	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị THT, thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy do E.coli	LD-BP-116
2315	BIO-Chlortetracyclin 100	Chlortetracyclin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng - trị nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa ở heo, gà, vịt	LD-BP-117

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2316	BIO-DOXYCOL	Doxycycline, Colistin	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng - trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa và Mycoplasma trên heo và gia cầm	LD-BP-119
2317	BIO-ANTISAMONELL	Thiamphenicol	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1, 10; 20kg	Trị thương hàn, bạch lỵ, viêm ruột tiêu chảy do Salmonella, E.coli	LD-BP-120
2318	BIO-ANTI-MYCOPLASMA	Tiamulin, Chlortetracycline	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1, 10; 20kg	Trị viêm xoang, khớp, CRD, tiêu chảy, THT, thương hàn ở heo, gà	LD-BP-122
2319	BIO-BROMHEXINE	Bromhexine	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Giảm ho long đờm, chống co thắt phế quản trong viêm, viêm phổi	LD-BP-126
2320	BIO-GENTA. AMOX inj	Gentamycin, Amoxicillin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	LD-BP-127
2321	BIO-Vitamin B1	Vitamin B1	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Kích thích thèm ăn, điều trị phù thủng, viêm dây thần kinh	LD-BP-129
2322	Tiamulin 10%	Tiamulin	Chai, lọ Can	50; 60; 100; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2; 5; 20 lít	Trị bệnh đường hô hấp, viêm khớp, hồng lỵ trên heo do Treponema	LD-BP-134
2323	BIO-VITAMIN B1+B6+B12	Vitamin B1	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị kém ăn, chậm lớn, còi cọc, sinh sản kém, thiếu máu, bại liệt, phù	LD-BP-135

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2324	BIO-ENROVITA	Enrofloxacin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên heo, gia cầm, bê, nghé	LD-BP-137
2325	BIO-VitaminAD_3E	Vitamin A, D, E	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh thiếu vitamin A, D, E ở gia súc, gia cầm	LD-BP-139
2326	BIO-MULTIVITAMINS	Vitamin A, D, E, B	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh thiếu vitamin, yếu xương, tăng sức kháng bệnh	LD-BP-141
2327	BIO-CODEXINE	Ampicillin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, đường ruột, sinh dục	LD-BP-149
2328	BIO-AMOX LA	Amoxicilline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, tiết niệu, tiêu hóa	LD-BP-150
2329	BIO-DEXTOL	Dextrose	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250ml	Trị suy nhược cơ thể, viêm gan, suy thận, giải độc, cung năng lượng	LD-BP-154
2330	BIO-FLUMEQUINE 20%	Flumequine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng - trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp	LD-BP-155
2331	BIO-ENROFLOXACIN 10% ORAL	Enrofloxacin	Chai, lọ Can	10, 20, 50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml; 1, 2, 5, 20 lít	Trị CRD, tiêu chảy do E.coli, viêm khớp, thương hàn, THT	LD-BP-156
2332	BIO-ENROFLOXACIN 25	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị THT, thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy do E.coli	LD-BP-158

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2333	BIO-FER+B12 20%	Fer-Dextran	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị thiếu máu ở heo con theo mẹ, bệnh thiếu máu do nhiễm trùng và ký sinh trùng	LD-BP-159
2334	BIO-NEOPECTIN	Neomycin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Điều trị viêm ruột tiêu chảy ở heo con, bê, nghé, chó, mèo	LD-BP-163
2335	BIO-COLISTIN inj	Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-) gây ra	LD-BP-165
2336	BIO-COLI-MUTIN	Tiamulin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị các bênh nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa	LD-BP-166
2337	BIO-SPIRAMYCIN	Spiramycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng trên đường hô hấp và sinh dục	LD-BP-168
2338	BIO-DOXYCYCLINE 10%	Doxycycline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp và sinh dục ở gia súc, gia cầm	LD-BP-169
2339	BIO-SPIRA.S	Spiramycin, Streptomycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp, sinh dục trên gia súc, gia cầm	LD-BP-170
2340	BIVERMECTIN 0,25%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng ở bê, nghé, thỏ, dê, cừu, heo, chó	LD-BP-172
2341	BIVERMECTIN 1%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng ở heo, trâu, bò, ngựa	LD-BP-173
2342	BIO-ENROFLOXACIN 100	Enrofloxacin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy	LD-BP-174

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2343	BIO-PREDNISOLONE	Prednisolone	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Chống viêm trong bệnh nhiễm trùng trên gia súc, chó, mèo	LD-BP-175
2344	BIO-IVERMECTIN	Ivermectin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh nội - ngoại ký sinh trùng trên heo	LD-BP-183
2345	BIO-TYLOSIN-PC	Tylosin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, nh. trùng vết thương	LD-BP-185
2346	BIO-AMPI-COLI	Ampicillin, Colistin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục	LD-BP-187
2347	BIO-AMPI-K	Ampicillin, Kanamycin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm thận, viêm vú và tử cung	LD-BP-188
2348	BIO-STREPTOMYCIN	Streptomycine	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, sẩy thai truyền nhiễm, Lepto, viêm vú, viêm khớp	LD-BP-194
2349	BIO-PENICILLIN	Penicillin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn gr(+) gây ra	LD-BP-195
2350	BIO-SPIRA-STREP	Spiramycin, Streptomycin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp do Mycoplasma, viêm vú, tử cung	LD-BP-196
2351	BIO-KANA-PENI	Kanamycin, Penicillin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, dấu son, sinh dục, nhiễm trùng vết thương	LD-BP-197
2352	BIO-GENTA-AMOX	Gentamycin, Amoxicillin	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, nhiễm trùng máu	LD-BP-198
2353	BIO-AMOXICILLIN	Amoxicilline	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra	LD-BP-199

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2354	BIO-AMPICILLIN	Ampicilline	Chai, lọ	10, 20, 50, 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) gây ra	LD-BP-200
2355	BIO-FER+ GENTA-TYLO	Fer-dextran, Tylosin, Gentamycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị thiếu máu, kết hợp thiếu máu với viêm ruột tiêu chảy	LD-BP-201
2356	BIO-ATROPIN	Atropin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị co thắt ruột - khí phế quản, tiêu chảy nặng, giảm đau - tiền mê	LD-BP-202
2357	BIO-ANTI-CRD	Spiramycine	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Trị bệnh CRD	LD-BP-203
2358	BIO-SPIRACOL	Spiramycin, Colistin	Gói, hộp, Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng,trị nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	LD-BP-204
2359	BIO-AMCOLI-PLUS	Ampicillin, Colistin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Phòng trị viêm ruột tiêu chảy, viêm xoang mũi, viêm móng, viêm khớp	LD-BP-205
2360	BIO-COCCI-STOP	Sulfachloropyrydazine	Gói Hộp; Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng ngừa và điều trị các loại cầu trùng ở gà, thỏ, heo con	LD-BP-206
2361	BIO-BIVERMECTIN 0,1%	Ivermectin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị nội, ngoại ký sinh trùng ở chó và thỏ	LD-BP-208
2362	BIO-PARA 100	Paracetamol	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Thuốc hạ sốt, giảm đau cho trâu, bò, heo, ngựa, chó, gà	LD-BP-209

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2363	BIO-SPIRA-COLISTIN	Spiramycin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp và tiêu hóa, viêm đa khớp, viêm vú	LD-BP-213
2364	Bio-Vitasol	Vitamin A; D3; E; K3; B1; B2; B3; B6; B12; C; folic acid; Biotin; Ca	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 30, 100g; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung, phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng chất	LD-BP-217
2365	BIO-OXYTETRACOL	Oxytetracycline, Thiamphenicol	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Trị bệnh nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, sưng phù đầu	LD-BP-226
2366	BIO-AMPI-BACTRIM	Ampicilline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	LD-BP-229
2367	BIO-ADE+ B.COMPLEX	Vitamin A, D, E	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị bệnh thiếu vitamin, tăng sức đề kháng, tăng năng suất	LD-BP-230
2368	BIO-ERY-COLISONE	Erythromycin, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm vú, tử cung, viêm khớp	LD-BP-233
2369	BIO-DOXY-COLISONE	Doxycycline, Colistin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị bệnh nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm rốn, khớp, tử cung	LD-BP-235
2370	BIO-PENI-STREPTO	Penicillin, Streptomycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, THT, dấu son	LD-BP-237
2371	BIO-ERYBACTRIM	Erythromycin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm rốn, viêm vú	LD-BP-241
2372	BIO-FENBENDAZOL	Febendazol	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg, 10; 20kg	Tẩy sạch các loại giun, sán ở heo, bê, nghé và chó	LD-BP-243

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2373	Bio-Calcivit	Ca; Zn; Vitamin A; D3; E	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 30, 100g; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất cho gia súc, gia cầm	LD-BP-257
2374	BIO-B.COMPLEX-C	Vitamin B	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị các bệnh thiếu Vitamin nhóm B và nhóm C	LD-BP-258
2375	Bio-E.T.S	Erythromycine, Sulfadiazine	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, heo, gia cầm	LD-BP-26
2376	BIODINE	P.V.P.Iodine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Tiêu diệt các loài virus, vi trùng, bào tử nấm móc	LD-BP-266
2377	Bio-E.colistop	Colistin sulfate, Gentamycin, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên heo, gà, vịt, cút	LD-BP-268
2378	BIO-ANTI-ECOLI	Colistin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml, 1, 2, 5, 20 lít	Trị tiêu chảy phân trắng, thương hàn trên heo con, bê, nghé, gà, vịt	LD-BP-272
2379	BIO-DIARRHEA-STOP	Sulfachloropyrydazine	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột ở heo con	LD-BP-274
2380	BIO-QUINO-COC	Sulfaquinoxaline	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng manh tràng, ruột non ở gà, thỏ, heo con	LD-BP-275
2381	BIO-TETRA 200 L-A	Tetracycline	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị THT, lepto, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp gia súc, gia cầm	LD-BP-278

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2382	BIO-ASPIRIN-C	Acetyl salicilic	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước và mất chất điện giải	LD-BP-283
2383	BIO-ANAGIN-C	Analgin	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Hạ sốt, giảm đau, chống mất nước, mất chất điện giải	LD-BP-288
2384	Bio-Selevit-E inj	Anphatocopherol acetat	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị thoái hóa cơ, bại liệt chân, ngộ độc sắt trên heo con	LD-BP-295
2385	BIO-ANAZIN.C (FEVER-STOP)	Alnagin, Vit C	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Hạ sốt, kháng viêm, chống stress, giảm đau	LD-BP-296
2386	BIO-HEPATOL+B12 INJ	Sorbitol	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Tăng khả năng tiết mật, tăng cường chức năng giải độc gan	LD-BP-297
2387	BIO-NORFLOXACIN 300	Norfloxacin, Vitamin B6	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do Mycoplasma và các loại vi khuẩn Gr(-), Gr(+)	LD-BP-298
2388	BIO-COLISTIN PREMIX	Colistin	Gói Hộp; Bao, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20; 25kg	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn Gr(-)	LD-BP-304

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2389	BIO-ERY 30%	Erythromycin	Gói Hộp; Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Trị các bệnh đường hô hấp trên gia cầm do vi khuẩn gr(+) và Mycoplasma	LD-BP-307
2390	BIO-AMOXICILLIN 50%	Amoxicillin trihydrate	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi ở gia cầm - gia súc	LD-BP-308
2391	Bio-Sultrim W.S.P	Sulfachlopyridazine, Trimethoprim	Gói, hộp Bao	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 20kg	Trị viêm rốn, C-CRD, viêm phổi, thương hàn, THT trên heo, gia cầm	LD-BP-317
2392	BIO-COLISTIN W.S.P	Colistin sulfate	Gói Hộp Bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg 10; 20kg	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường ruột, tiêu chảy, PTH trên gia súc, gia cầm	LD-BP-318
2393	BIO-AMINO FORT INJ	Potassium chloride, MgSO4, Sodium Acetat, Nicotinamide, Methionin	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Tăng đề kháng trong nhiễm trùng, suy nhược, kích tăng trọng ở gia súc, chó, mèo	LD-BP-321
2394	Bio-Scour W.S.P	Neomycin, Streptomycin, Atropine	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị viêm ruột tiêu chảy trên bê, nghé, heo con, chó, mèo, gà, vịt	LD-BP-324
2395	BIO-ENRO-C	Enrofloxacin, Vitamin C	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm trùng do VK Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma trên gia súc, gia cầm	LD-BP-326

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2396	BIO-POVIDINE	1-Vinyl-2-yrrolidinone polymers, iodine complex	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Thuốc sát trùng chuồng trại gia súc gia cầm	LD-BP-332
2397	BIO-VITAMIN K	Vitamin K	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Cầm máu do phẫu thuật, xuất huyết do cầu trùng, ký sinh	LD-BP-334
2398	BIO-CEFACOL	Cefalexin, Colistin sulfate	Gói Hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg 100; 250; 500g, 1kg; 10; 20kg	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa và hô hấp	LD-BP-336
2399	BIOXIDE	Glutaraldehyde; Alkylbenzyldimethyl, Ammonium chloride	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Diệt virus, vi trùng, bào tử nấm mốc Mycoplasma	LD-BP-342
2400	BIO-CALCI FORT	Calcium	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100; 250; 500ml	Phòng trị các bệnh thiếu calci, magnesium ở trâu, bò, heo, dê cừu	LD-BP-343
2401	BIO-TRIME-DOXINE	Sulfadoxine, Trimethoprim	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Diệt khuẩn đối với vi khuẩn đã đề kháng với Sulfamid	LD-BP-344
2402	Biotic	Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtillis, Saccharomyces cerevisiae, Aspergillus oryzae, Folic acid, Vitamin A, B1, B3	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, bệnh đường ruột ở vật nuôi	LD-BP-346
2403	BIO-ELECTROJECT	Dextrose, Sorbitol, Sodium lactate, Sodium chloride	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250ml	Cung cấp chất điện giải, trị tiêu chảy, ói, ngộ độc	LD-BP-348

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2404	BIOSEPT	Glutaraldehyde; Octyldecyldimethylammonium chloride	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Sát trùng hiệu quả các mầm bệnh, virus, vi khuẩn Gr(-), Gr(+), bào tử, nấm mốc, Mycoplasma	LD-BP-350
2405	Bio-Tylosulfadoxin-C	Sulfadoxine, Tylosin, Vitamin C	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà, vịt	LD-BP-353
2406	BIO-B.COMPLEX FORT	Vit B1, B2, B5, B6	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Tăng cường sinh lực, kích thích thèm ăn trên gia súc - chó, mèo	LD-BP-358
2407	BIO-DEXTROSE	Dextrose monohydrate	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Cung cấp năng lượng, nước trong trường hợp: suy nhược, mất nước do tiêu chảy nặng, sốt cao, ngộ độc	LD-BP-360
2408	BIO-CALCIMAX	Calcium, Boric acid	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100; 250; 500ml	Phòng và trị các bệnh thiếu calci trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-BP-370
2409	Bio-Clorococ	Sulfachloropyrazine, Diaveridine, Vitamin A	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bạch lỵ, nhiễm trùng đường ruột trên bê, nghé, heo, gia cầm	LD-BP-372
2410	Bio-Coli	Colistin sulfate, Tylosin, Paracetamol, Vitamin C	Gói, hộp, bao	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, PTH, hồng lỵ, nhiễm trùng hô hấp trên heo. Viêm ruột tiêu chảy, thương hàn trên gia cầm	LD-BP-374
2411	BIO-COLI.SP	Colistin, Spectinomycin	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml; 1, 2, 5, 20 lít	Trị tiêu chảy phân trắng, vàng, phân lẫn máu trên heo con	LD-BP-375
2412	BIO-SONE	Thiamphenicol, Dexa, Oxytetracycline, Brom	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy	LD-BP-380

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2413	BIO-ELECT-C	Dextrose	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Điều trị mất nước, mất chất điện giải, suy nhược do sốt, tiêu chảy	LD-BP-381
2414	BIOXINIL	Nitroxinil	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị sán lá gan, sán lá dạ cỏ, giun phổi, giun tròn trên trâu, bò, dê cừu và các loài giun móc trên chó	LD-BP-382
2415	BIO-ATP plus	Adenosine Triphosphate	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Thuốc bổ cơ bắp, trị yếu cơ, teo, hoại tử cơ ở gia súc, chó	LD-BP-383
2416	BIO-DEWORMER	Albendazole	Chai, lọ Can	50, 60, 100, 150, 200, 250, 500ml 1, 2, 5, 20 lít	Trị sán lá gan, giun phổi, giun tròn, sán dây trên trâu, bò, dê, cừu	LD-BP-386
2417	Bio-Tylosin DC	Thiamphenicol, Tylosin tartrate, Bromhexine, Dexamethasone	Ống Chai, lọ	2, 5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung ở gia súc, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-392
2418	Bio-shampoo 1 (Care)	Permethrin	Chai, lọ Can, gói	5; 7,5ml 50, 60, 100, 120; 150, 200, 250, 500ml; 1, 2, 5, 20 lít	Điều trị hiệu quả ghẻ, rận trên heo nái, chó, mèo	LD-BP-393
2419	Bio-shampoo 2 (Skin)	Amitraz	Chai, lọ Can, gói	5ml; 7,5ml 60, 120, 150, 200, 250, 500ml 1, 5 lít	Phòng, trị ghẻ do demodex, sarcoptes	LD-BP-394
2420	Bio-shampoo 3 (Pet)	Amitraz	Chai, lọ Can, gói	5ml; 7,5ml 60, 120, 150, 200, 250,500ml 1, 5 lít	Phòng trị ghẻ do demodex, sarcoptes	LD-BP-395

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2421	Bio-Lovely Pets	Vitamin E, B6	Chai, lọ Can, gói	5; 7,5; 60, 120, 150; 200, 250, 500ml; 1,5 lít	Khử mùi hôi, làm sạch lông, chống rụng lông, tăng sức đề kháng	LD-BP-397
2422	BIO-NORFLOX	Norfloxacin, Bromhexine	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg 10kg	Phòng và trị nhiễm trùng trên đường tiêu hóa và hô hấp	LD-BP-398
2423	Bio-Prozyme	Bacillus subtillis; Saccharomyces cerevisiae; protease; Amylase; Lipase; β glucanase; Xylanase	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Ngăn ngừa tiêu chảy, bệnh đường ruột ở vật nuôi	LD-BP-399
2424	Bio-Sorbitol B12	Sorbitol; DL-Methionine; L-Lysine HCl; Vitamin B12	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Tăng cường chức năng gan và loại trừ các độc tố. Hỗ trợ quá trình hoặc sau khi điều trị kháng sinh hoặc ký sinh trùng	LD-BP-402
2425	BIO-KITASULTRIM	Kitasamycine, Sulfadimidine	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1; 10; 25kg	Phòng và trị nhiễm trùng trên đường tiêu hóa và hô hấp	LD-BP-403
2426	BIO-CEFATIN	Cefalexin, Colistin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sưng phù đầu ở vịt, gà, phù thủng ở heo con, THT, viêm phổi	LD-BP-404
2427	BIO-ZURILCOC	Toltrazuril	Chai, lọ, can	60; 250; 500ml; 1, 5 lít	Trị cầu trùng	LD-BP-406
2428	BIO-CEFA MAS	Cefalexin	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bò sữa, trâu, bò giống. Trị viêm vú lúc cạn sữa	LD-BP-407
2429	BIO-TETRA MAS	Oxytetracycline	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bò sữa, trâu, bò giống. Trị viêm vú lúc cạn sữa	LD-BP-408

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2430	BIO-NEO MAS	Neomycine	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bò sữa, trâu, bò giống. Phòng ngừa viêm vú	LD-BP-409
2431	BIO-SUL MAS	Trimethoprime, Sulfadimidine	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú trên bò sữa, trâu, bò giống. Phòng ngừa viêm vú	LD-BP-410
2432	Bio-Bromhexine W.S.P	Bromhexine	Gói, hộp, bao, xô	30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10kg	Giảm ho, long đờm, chống co thắt phế quản khi viêm phế quản, viêm phổi ở gia súc	LD-BP-411
2433	Bio-OTC	Oxytetracycline	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg 10kg	Điều trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng ở heo con, viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, THT, CRD	LD-BP-414
2434	Bio-Doxy	Doxycycline	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg 10kg	Trị CRD, THT, viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy	LD-BP-415
2435	Bio-Tylan Fort	Tylosin, Sulfa-chloropyridazine	Gói, hộp Bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg, 10kg	Phòng trị bệnh CRD, viêm xoang mũi, sưng phù đầu, bệnh do Mycoplasma, bệnh đường hô hấp	LD-BP-416
2436	**Bio-Dexazine**	Analgin, Dexamethasone	Chai, lọ	10, 20, 50; 100ml	Kháng viêm kết hợp hạ sốt trong các bệnh nhiễm trùng	***LD-BP-417***
2437	Bio-Vagilox	Norfloxacin	Viên	5; 10g	Trị viêm tử cung ở lợn	LD-BP-420
2438	Bio-Vagilin	Oxytetracycline	Viên	5; 10g	Điều trị viêm tử cung ở lợn	LD-BP-421
2439	Bio-Tylan 500	Tylosin tatrate	Gói, hộp, bao, xô	30, 50, 100, 250, 500g; 1kg, 10kg	Điều trị bệnh CRD ở gà, bệnh hô hấp, viêm phổi địa phương ở lợn	LD-BP-422
2440	Bio Calci-PC	Calcium, Phosphorus, Vitamin C	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Chống còi xương, điều trị bại liệt, sốt sữa do thiếu canxi	LD-BP-423
2441	Bio-Peni.G	Penicillin G sodium	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50ml, 100ml; 250ml, 500ml	Điều trị bệnh do vi khuẩn Gr(+), nhiễm trùng vết thương, viêm lở da, nhiễm trùng sau phẫu thuật	LD-BP-424

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2442	Bio-Dexine	Bromhexine, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml.	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, long đờm	LD-BP-425
2443	Bio-shampoo 5 (Derma)	Amitraz, Ketoconazole	Ống, chai, gói, can	2; 5; 7, 510; 20; 50; 100; 120; 150; 200; 250, 500ml; 1, 5 lít	Phòng, trị bệnh ghẻ do demodex, carcoptes, bọ chét	LD-BP-426
2444	Bio-Tobcine	Tobramycin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị THT, viêm phổi, màng phổi, viêm khớp, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, dê, cừu, chó, mèo. CRD, thương hàn trên gà, vịt	LD-BP-427
2445	Bio-Florsone	Florphenicol	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, sưng phù đầu, viêm phổi, nhiễm trùng vết thương, viêm vú	LD-BP-429
2446	Bio-Penstrep	Penicillin G sodium, Streptomycin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị THT, viêm phổi, dấu son, viêm tử cung, viêm khớp, lepto	LD-BP-430
2447	Bio-Marcosone	Marbofloxacin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn Gr(-), Gr(+) và Mycoplasma	LD-BP-431
2448	Bio-Alben	Albendazole	Viên	1; 5g	Tẩy giun sán: sán lá gan, giun phổi, giun đũa, giun xoăn	LD-BP-432
2449	Bio-Clormectin	Ivermectin Clorsulon	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tẩy giun phổi, giun tròn ký sinh ở ruột; sán lá gan; ghẻ; bọ chét	LD-BP-433
2450	Bio-Gentadrop	Gentamycin; Dexa	Lọ	5; 10; 20ml	Trị viêm mắt do nhiễm trùng	LD-BP-434
2451	Bio-Speclin	Spectinomycin Lincomycin	Hộp, bao, gói, xô	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1kg; 5; 10; 25kg	Đặc trị viêm phổi do Mycoplasma	LD-BP-435

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2452	Bio-Cocci 33	Sulffaclozine	Hộp Bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1kg; 10; 25kg	Đặc trị bệnh cầu trùng trên gà, heo con, bê, nghé	LD-BP-436
2453	Bio-Nazen	Diminazene Antipyrine	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị ký sinh trùng đường máu: Tiên mao trùng, lê dạng trùng	LD-BP-437
2454	Bio-Metasal	Butaphosphan, Cyanocobalamin	Chai/ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Điều chỉnh rối loạn trao đổi chất do thiếu dinh dưỡng, do mắc bệnh	LD-BP-439
2455	Bio-Finil	Fipronil	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 200, 250ml	Diệt ve, rận, bọ chét ở chó, mèo	LD-BP-440
2456	Bio-Triclaben	Triclabendazole	Viên	1g; 5g	Tẩy các loại sán lá trên trâu, bò, dê, cừu, ngựa	LD-BP-441
2457	Bio-Shampoo 4 (Jolie)	Xà phòng; vitamin E, B6	Chai/ống	5; 10; 20; 50; 100; 250, 500ml	Tẩy sạch lông da, dưỡng da lông	LD-BP-442
2458	Bio-Ampiject	Ampicillin trihydrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, THT, dấu son, thương hàn trên gia súc, gia cầm	LD-BP-443
2459	Bio-Levamide	Niclosamide, Levamisole	Viên	800mg; 1; 5g	Tẩy giun, sán trên chó, mèo	LD-BP-444
2460	Bio-Colimutin fort	Tiamulin, Colistin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, chó, mèo	LD-BP-445
2461	Bio-Apracin 200	Apramycin	Chai	20; 50; 60; 100; 150ml	Trị viêm đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú, viêm khớp trên bê, nghé, heo, dê, cừu, chó mèo	LD-BP-446
2462	Bio-Flum OS	Flumequine	Chai, can, ống bơm	20; 50; 60; 100; 150; 250; 500ml; 1; 5; 20l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	LD-BP-447

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2463	Bio-new diarrhea stop	Gentamycine	Chai, can, ống bơm	20; 50; 60; 100; 150; 250; 500ml; 1; 5; 20l	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên heo con, bê, nghé	LD-BP-448
2464	Bio Flor-Doxy	Florfenicol, Doxycycline	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, tụ huyết trùng, viêm khớp, sưng phù đầu trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-BP-449
2465	Bio-Apracin 100	Apramycin sulfate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, THT, viêm khớp, viêm vú trên bê, nghé, heo, dê, cừu, chó, mèo	LD-BP-450
2466	Bio-Gestrone	Progesteron	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng ngừa sẩy thai trên heo nái, trị chậm lên giống trên heo hậu bị	LD-BP-451
2467	Bio-Danosone	Danofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi cấp tính trên trâu, bò, dê, cừu, heo	LD-BP-452
2468	Bio-speclin for dogs	Spectinomycin, Lincomycin	Viên	300mg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên chó	LD-BP-453
2469	Bio-Erymax	Erythromycin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-BP-454
2470	Bio-Rantel	Praziquantel, Pyrantel pamoate	Viên	600mg	Tẩy giun sán chó, mèo	LD-BP-455
2471	Bio-Glucose 5%	Glucose	Chai	250; 500ml; 1l	Bù sự mất nước, cung cấp năng lượng	LD-BP-456
2472	Bio-Ampi+Ery	Ampicillin, Erythromycin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1; 10; 25kg	Trị THT; Phó thương hàn; viêm phổi, phế quản, khí quản, CRD	LD-BP-457
2473	Bio-Amox+Tylosin	Amoxycilline, Tylosin	Gói, hộp	10; 30; 50; 100; 250; 500g 1; 10; 25kg	Trị đường hô hấp, nhiễm trùng tiêu hóa, nhiễm trùng tiết niệu, sinh dục trên heo, gia cầm	LD-BP-458

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2474	Bio-Coc	Toltrazuril	Chai	10; 60; 100; 150; 250; 500; 1; 5; 20 lít	Trị bệnh cầu trùng trên lợn con do Eimeria spp gây ra	LD-BP-459
2475	Bio-Flor 10% Oral	Florfenicol	Chai; can	60; 150; 250l; 500ml; 1; 5; 20 lít	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	LD-BP-460
2476	Bio-Cep 5	Ceftifur HCL	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ceftifur gây ra	LD-BP-461
2477	Bio-Doxy Fort	Doxycycline, Paracetamol, Bromhexine	Gói, lon	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, heo, dê, gia cầm	LD-BP-462
2478	Bio-Genta-Tylo	Gentamycin, Tylosin	Gói, lon	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, heo, dê, gia cầm	LD-BP-463
2479	Bio-Ampi Coli Max	Ampicillin, Colistin, Paracetamol, Potassium chloride	Gói, lon, xô	10; 20; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gia cầm	LD-BP-464
2480	Bio-Ampicoli	Ampicillin, Colistin, Paracetamol	Gói, lon	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, tụ huyết huyết trùng, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gia cầm	LD-BP-465
2481	Bio-progesterone	Progesterone, Vitamin E	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Ngăn ngừa sự co thắt tử cung trong thời gian mang thai, giúp an thai, phòng ngừa sẩy thai. Điều trị chậm lên giống hoặc lên giống liên tục trên trâu, bò, lợn, chó và mèo	LD-BP-466

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2482	Bio-albenol 2,5% plus	Albendazole; Selenium; Cobalt	Chai	60; 150; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị sán lá gan, giun phổi, và các loại giun tròn đường ruột trưởng thành, chưa trưởng thành và trứng ở trâu, bò, dê, cừu	LD-BP-467
2483	Bio-amox.clav	Amoxicillin trihydrate Clavulanic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, bê, chó, mèo, lợn	LD-BP-468
2484	Bio-ceptiofur	Ceftiofur sodium	Chai	1; 4g	Trị bệnh do E.coli, tiêu chảy phân trắng, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm rốn trên gà, vịt; trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn; viêm đường tiết niệu trên chó; Khống chế tỷ lệ chết sớm ở gà 1 ngày tuổi	LD-BP-469
2485	Bio-Levaxantel	Praziquantel Levamisole HCl	Chai	60; 150; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng và trị sán dây, giun đũa, giun kim, giun phổi, giun tóc, giun xoăn trên gia cầm	LD-BP-470
2486	Bio-Tilmicosin	Tilmicosin	Chai	60; 150; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh tụ huyết trùng, viêm phổi, CRD trên lợn, gia cầm	LD-BP-471
2487	Bio-Tulacin 100	Tulathromycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	LD-BP-472
2488	Bio-florsone 400 LA	Florfenicol	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, thương hàn, viêm ruột, ỉa chảy, viêm khớp, đau móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	LD-BP-473
2489	Bio-genta mas	Cephalexin monohydrate, Gentamycin sulfate	Syringe	5; 10; 20ml	Trị viêm vú trên bò sữa, dê, cừu	LD-BP-474

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2490	Bio-Difloxacin 5% Inj	Difloxacin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm âm đạo, viêm bàng quang, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-475
2491	Bio-Difloxacin 10% Inj	Difloxacin	Chai, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, tiết niệu, viêm âm đạo, viêm bàng quang, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm da trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	LD-BP-476
2492	Bio-Difloxacin 5% Oral	Difloxacin	Chai	60; 150; 250; 500ml 1; 5 lít	Trị nhiễm trùng viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phù đầu, tụ huyết trùng, viêm phổi, bạch lỵ, CRD, sổ mũi, viêm túi khí, viêm màng hoạt dịch trên bê, nghé, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-477
2493	Bio-Difloxacin 10% Oral	Difloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phù đầu, tụ huyết trùng, viêm phổi, bạch lỵ, CRD, sổ mũi, viêm túi khí, viêm màng hoạt dịch trên bê, nghé, lợn, gia cầm, chó, mèo	LD-BP-478
2494	Bio-Tylodox Plus	Tylosin tartrate, Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	LD-BP-479
2495	Bio-Guard	Formaldehyde, Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	60; 100; 150; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20 lít	Sát trùng chuồng trại chăn nuôi	LD-BP-480
2496	Bio-cefquin	Cefquinome sulphate	Lọ, ống	5ml; 10ml; 20ml; 50ml; 100ml; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm da, nhiễm trùng huyết do Ecoli, viêm vú cấp tính, MMA, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, lợn	LD-BP-481

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2497	Bio-Spiralin	Spiramycin adipate, Lincomycin HCl	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh sản, tiết niệu, khớp trên gia súc, gia cầm	LD-BP-482
2498	Bio-Doxygen (W.S.P)	Doxycycline hyclate, Gentamycine sulfate	Gói, bao	10, 30, 50, 100, 250, 500 g; 1, 5, 10, 25kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-BP-483
2499	Bio-Cefquin L.A 7,5%	Cefquinome	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	LD-BP-484
2500	BIO-PEROCID	Postassium monopersulphate, Malic acid	Gói, hộp, bao	10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 10, 25kg	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, xe cộ..	LD-BP-485
2501	BIO-KETOSOL 100	Ketoprofen	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100, 250ml	Giảm đau, hạ sốt, giảm phù nề và kháng viêm trên gia súc, lợn chó, mèo	LD-BP-486
2502	Bio-Marbo 50	Marbofloxacin	Chai, lọ, ống	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	LD-BP-487
2503	Bio-Flor.Tylo	Florfenicol; Tylosin (as Tartrate)	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, suyển heo, viêm ruột tiêu chảy, phó thương hàn, E.coli, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp	LD-BP-488
2504	Bio-Amoxycoli	Amoxicillin Trihydrate; Colistin Sulfate	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị thương hàn, viêm ruột tiêu chảy trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-BP-489
2505	Bio-Cep Mas	Ceftiofur (as the hydrochloride salt)	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú bò sữa	LD-BP-490
2506	Bio-Cep Mas Fort	Ceftiofur Equivalent (as hydrochloride salt)	Ống, hộp	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm vú bò sữa	LD-BP-491
2507	Bio-Flunixin	Flunixin (as Meglumine)	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Hạ sốt, giảm đau, chống viêm	LD-BP-492

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2508	Bio-Sultrim 24% Inj	Sulfamethoxazole; Trimethoprim	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tiêu chảy, thương hàn, viêm ruột tiêu chảy, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp thối móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu	LD-BP-493
2509	Bio-Marbo 100	Marbofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú cấp tính, viêm tử cung, viêm phổi dính sườn (APP), suyễn heo	LD-BP-494
2510	Bio-Amox 70 Wsp	Amoxicillin Trihydrate	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị tiêu chảy, E.coli, phó thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi trên gia súc, heo	LD-BP-495
2511	Bio-Doxy 75 Wsp	Doxycycline hyclate	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị CRD, CRD ghép với E.coli, sổ mũi, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm ruột tiêu chảy, viêm khớp	LD-BP-496
2512	Bio-Enro 50 Wsp	Enrofloxacin HCl	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp	LD-BP-497
2513	Bio-Flum 50 Wsp	Flumequine	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, Salmonella, nhiễm trùng đường hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, heo, gia cầm	LD-BP-498
2514	Bio-Kimox Wsp	Kitasamycin tartrate; Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp	LD-BP-499
2515	Bio-Leva 75 Wsp	Levamisol HCl	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị các loại giun tròn đường ruột, giun mắt	LD-BP-500

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2516	Bio-Tylan 75 Wsp	Tylosin Tartrate	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp mãn tính (CRD), viêm xoang mũi trên gia cầm; trị viêm phổi dính sườn, suyễn, hồng ly, viêm khớp, đau móng trên heo	LD-BP-501
2517	Bio-Linco-Spec	Spectinomycin HCl; Lincomycin HCl	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, sưng phù đầu, viêm túi khí, viêm khớp trên heo, gia cầm	LD-BP-502
2518	Bio-Tilmi 30% La	Tilmicosin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm đường hô hấp trên trâu, bò, cừu; viêm vú trên cừu	LD-BP-503
2519	Bio-Flor 50% Premix	Florfenicol	Gói, hộp, bao	10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 10; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, heo	LD-BP-504
2520	BIO-VIT PLUS	Vitamin A; D3; E; B1; B2; B6; B12; K3; Calcium Pantothenate; Niacinamide; Biotin; Folic Acid; Natri Bicarbonate; Natri Chlorua; Kali Chlorua	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 10kg, 20kg, 25kg	Trị bệnh thiếu vitamin, chậm lớn, còi cọc, mắc bệnh cấp tính, mãn tính trên trâu, bò, heo, gia cầm	LD-BP-24
2521	BIO-VITAMINO ORAL	Vitamin A; D3; E; B1; B2; B6; B12 ; C; K3; Nicotinamide; Folic Acid; D-Panthenol; L-Methionine;	Chai, can	60, 100, 150, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Nâng cao sức đề kháng lúc bị stress, lúc mắc bệnh. Giúp mau hồi phục khi mắc bệnh, chống còi cọc, suy nhược	LD-BP-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		L-Tryptophan; L-Cysteine HCl; L-Threonine; L-Isoleucine; L-Phenylalanine; L-Valine; L-Lysine HCl; L-Leucine				
2522	BIO SOL ADE-C	Vitamin A; D3; E; C	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng ngừa các bệnh do thiếu vitamin A, D, E và C. Tăng sức đề kháng, chống stress do thời tiết thay đổi, chuyển chuồng, tiêm phòng	LD-BP-87
2523	BIO-CHICKEN MINERALS	Folic Acid; Biotin; Choline chloride; Mn; Fe; Zn; Cu; I; Co; Se	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng chống các bệnh thiếu vi khoáng và vitamin thiết yếu. Tăng sức đề kháng, chống stress	LD-BP-118
2524	BIO-SWINE MINERALS	Folic Acid; Biotin; Mn; Fe; Zn; Cu; I; Co; Se	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng chống các bệnh thiếu vi khoáng	LD-BP-123
2525	BIO AMINO-TROLYTES	Natri Bicarbonate; Kali Chlorua; Natri Chlorua; DL-Methionine; L-Lysine HCl	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg; 10kg, 20kg, 25kg	Trị mất nước, mất chất điện giải trong các bệnh tiêu chảy, sốt cao, các bệnh cấp tính	LD-BP-140
2526	BIO-B.COMPLEX + A, D, E, C	Vitamin A; D3; E; B1; B2; B6; C; Niacin; Folic Acid; L-Lysine HCl; Mn; Zn; DL-Methionine.	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu hụt vitamin, vi khoáng và acid amin thiết yếu trên trâu, bò, heo, gà, vịt	LD-BP-178

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2527	BIO-VITAFORT	Vitamin A; D3; E; B1; B2; Calcium Pantothenate; B6; B12; K3; Niacinamide; Biotin; Folic Acid; Natri Bicarbonate; Natri Chlorua; Kali Chlorua	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Trị bệnh thiếu vitamin, chậm lớn, còi cọc hoặc mắc bệnh cấp tính, mãn tính	LD-BP-265
2528	BIO-HEPATOL + B12	Sorbitol; L- Lysine Hydrochloride; Methionine; Vitamin B12	Chai, can	60, 150, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Trị bệnh nhiễm mỡ ở gan, các trường hợp ngộ độc do độc tố từ thức ăn có nấm mốc, tăng tiết mật	LD-BP-271
2529	BIO VITA-COMPLEX	Vitamin A; D3; E; K3; B1; B2; B6; B12; C; Pantothenic Acid; Nicotinamide; Folic Acid; Natri Chlorua; Kali Chlorua; Lysine; Methionine; Mangan Sulphat; Cobalt Sulfate	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng và trị các trường hợp bị thiếu hụt vitamin, vi khoáng và các acid amin thiết yếu	LD-BP-285
2530	BIO SUPER-CALCIUM	Calcium Gluconate; Zn; Calcium D Pantothenate; Vitamin B6; Biotin; Vitamin A; Vitamin D3	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng và trị các bệnh bại liệt, đau móng, trẹo chân, chống còi cọc trên heo, gà, vịt	LD-BP-287

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2531	BIO SOL-B.COMPLEX	Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin B12; Calcium Pantothenate	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Tăng cường sức đề kháng, chống stress, chống nhiễm trùng, giúp mau hồi phục khi mắc bệnh	LD-BP-289
2532	BIO-ADE + B.COMPLEX PREMIX	Vitamin A; D3; E; B1; B2; B6; B12; C; Niacinamide; Acid Folic	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu hụt vitamin A, D, E, vitamin nhóm B trên trâu, bò, heo, gà, vịt	LD-BP-301
2533	BIO-VITAMIN C 10% PREMIX	Vitamin C; Citric Acid	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Nâng cao sức đề kháng, phòng ngừa suy nhược cơ thể, chảy máu cam, hoại huyết, sốt cao, các trường hợp nhiễm khuẩn, stress do vận chuyển, thay đổi thời tiết, ghép bầy, thay đổi thức ăn, ngộ độc hoặc bồi dưỡng thú sau khi khỏi bệnh	LD-BP-303
2534	BIOTIN-FORT	Biotin; Vitamin A; D3; E; Calcium Gluconate; Mono Calcium Phosphate; Zn; Mn; Mg.	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng bệnh về da, lông, móng trên heo, gia cầm	LD-BP-316
2535	BIOZYME	Bacillus Subtilis; Saccharomyces Cerevisiae; Amylase; b- Glucanase; Lipase; Protease; Hemicellulase; Protein; Chất béo; Lysine; Methionine; Phenylalanine; Threonine; Cystine;	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng chống bệnh đường tiêu hóa do ổn định hệ vi khuẩn có lợi, tiêu diệt các vi khuẩn có hại	LD-BP-331

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		Isoleucine; Vitamin B1; B2; B6; A; E; Pantothenic Acid; Niacin; Folic Acid; Choline; P; Ca; K; Mg; Zn; Fe; Se				
2536	BIO-VITAMIN K (WSP)	Vitamin K3	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg; 10kg, 20kg, 25kg	Cầm máu trong trường hợp xuất huyết ngoại biên, đường ruột do nhiễm trùng cấp tính, nhiễm cầu trùng hoặc ký sinh trùng. Ngăn ngừa chảy máu trong trường hợp cắt mỏ, cắt đuôi, phẫu thuật trên heo, gà, vịt	LD-BP-365
2537	BIO-MULTIZYME	Bacillus Subtilis; Saccharomyces Cerevisiae; Amylase; b- Glucanase; Lipase; Protease; Hemicellulase; Protein; Chất béo; Lysine; Methionine; Phenylalanine; Threonine; Cystine; Isoleucine; Vitamin B1; B2; B6; E; Pantothenic Acid; Niacin; Folic Acid; Choline; P; Ca; K; Mg; Zn; Fe; Se	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng ngừa rối loạn vi khuẩn đường ruột gây tiêu chảy	LD-BP-367

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2538	BIO-CALPHOS	Calcium Chloride; Manganese Chloride; Zinc Chloride; Copper Chloride; Cobalt Sulfate; Magnesium Chloride	Chai, can	60, 150, 250, 500ml; 1, 5, 20 lít	Phòng và trị bệnh thiếu khoáng chất trên gia súc, gia cầm	LD-BP-384
2539	BIO-CALCI Plus	Dicalcium Phosphate; Zn; Vitamin A; D3; E	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng chống bệnh ngoài da, đau móng trên trâu, bò, heo. Trị xốp xương, vỏ trứng mỏng trên gà đẻ, vịt cút đẻ	LD-BP-400
2540	BIO-CALCI PADE	Ca; P; Vitamin A; D3; E; Cu; Co; Mn; Fe; Mg; Zn; Se; Chloride	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Calcium, phospho trên trâu, bò, heo, gia cầm	LD-BP-428

21. CÔNG TY CỔ PHẦN ANOVA PHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2541	Tylovet	Tylosin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm ruột, bệnh lepto	HCM-X2-01
2542	Levavet	Levamisol	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc tẩy giun sán	HCM-X2-02
2543	Septotrim	Sulfamerazine	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục	HCM-X2-03
2544	SG.Sone-D	Erythoromycin, Dexa Oxyteracyclin HCl,	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa...	HCM-X2-05
2545	Bactrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, viêm ruột, tiết niệu	HCM-X2-06

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2546	Norfloxillin 5%	Norfloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-07
2547	Vitamin E-Sel	Vitamin E, Sodium selenite	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10; 20; 50; 100; 120ml	Phòng trị bệnh về sinh sản do thiếu vịt E và selenite, tăng khả năng đậu thai	HCM-X2-09
2548	Tylotrim	Tylosin, Trimethoprime	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, CRD	HCM-X2-10
2549	Gentyvet	Tylosin, Gentamycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường phổi, CRD, THT, viêm ruột, dạ dày, tiêu chảy	HCM-X2-11
2550	Terravet	Oxytetraxycline HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy phân trắng, viêm phổi, xoang mũi, CRD	HCM-X2-13
2551	Multivet	Các Vitamin nhóm B, Vitamin C và PP	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X2-14
2552	Iron Dextran 10%	Sắt	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng thiếu máu do thiếu sắt ở heo con	HCM-X2-15
2553	Fer B12 AP	Sắt, Vitamin B12	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng chống thiếu máu do thiếu sắt ở heo	HCM-X2-16
2554	CSP 250	Chlotetracycline, Penicillin	Gói	5, 20, 30, 50, 100, 500g, 1kg	Trị viêm ruột do salmonella, viêm đường hô hấp	HCM-X2-19
2555	B Complex AP	Vitamin B1, B6, B12	Lọ, chai	2ml, 5; 10; 20; 50; 100ml, 120ml, 120ml, 250ml, 500ml	Kích thích tạo máu thúc đẩy sự chuyển hóa năng lượng, chống còi cọc, suy nhược	HCM-X2-27
2556	Enroject-B	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm rốn, CRD, tụ huyết trùng nhiễm trùng tiêu hóa, viêm phổi	HCM-X2-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2557	Norxacin	Norfloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi	HCM-X2-29
2558	Kanesone	Kanamycin, Neomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-30
2559	Sagoflox 5000	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị CRD, viêm phổi, THT, tiêu chảy	HCM-X2-31
2560	Sagoflox 500	Enrofloxacin	Chai	100; 250; 500ml	Trị CRD, viêm phổi, THT, tiêu chảy	HCM-X2-32
2561	Amilyte	Sodium bicarbonate, S. chloride, Ca. gluconate	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Điều trị mất nước khi sốt, tiêu chảy, chống stress	HCM-X2-33
2562	Enrocol	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate, Bromhexin	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy, thương hàn, viêm vú, viêm khớp trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-35
2563	Flucogen	Gentamycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-36
2564	Neo-Colixyl	Oxytetracycline HCL, Colistin sulfate, Bromhexin HCL, Paracetamol	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm ruột - tiêu chảy, tụ huyết trùng trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-37
2565	Tetramulin	Tiamulin, Paracetamol Chlortetracycline	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm ruột, THT, TH, viêm khớp trên bê, nghé, heo, gà, vịt	HCM-X2-38
2566	Dexaject AP	Dexamethasone	Lọ, chai	2,5; 10; 20; 50; 100ml	Chống dị ứng, viêm do nhiễm trùng	HCM-X2-39
2567	Flume 20% Oral	Flumequine	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy do E.coli, thương hàn, PTH, xuất huyết, sẩy thai	HCM-X2-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2568	Vitamin C 10% AP	Vitamin C	Gói	5; 20; 50; 100; 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM-X2-43
2569	Paravil	Paracetamol, Vitamin C, Chlopheniramin	Viên	8g	Thuốc hạ sốt	HCM-X2-44
2570	ADE-B-Complex-C	Vitamin A, D3, E và các Vitamin nhóm B	Gói Bao	5, 20, 30, 50, 100, 500g, 1; 5kg, 10kg	Điều trị và phòng chống bệnh do thiếu hụt vitamin	HCM-X2-47
2571	E.Coli.Kana	Kanamycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, nhiễm trùng đường tiểu trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-48
2572	Peni-Strep	Streptomycin sulfate, Penicillin G procain	Chai	9,6; 24; 48g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột, tử cung, khớp, nhiễm trùng vết thương	HCM-X2-49
2573	Genta-Septryl	Gentamycin sulfate, Sulfadimidine sodium	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, thương hàn, tụ huyết trùng trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-52
2574	Amsepcin	Ampicillin, Sulfamethoxazole	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy, viêm khớp, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-54
2575	SG.Spectyl	Tylosin tartrate, Analgin, Bromhenxin Spectinomycin, Vit A, D3, E, B1, B6, C	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm ruột - tiêu chảy, viêm khớp, viêm phổi trên heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-55
2576	SG.Coli-Ampi	Colistin, Ampicillin, các Vitamin	Gói	5, 20, 30, 50, 100, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, E coli, thương hàn, THT	HCM-X2-59
2577	Neosol	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng máu, viêm da, viêm hô hấp, viêm ruột	HCM-X2-60

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2578	O.P.C.	Erythromycin, Prednisolone, Oxytetracyclin HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, tụ huyết trùng, toi, viêm nhiễm đường ruột	HCM-X2-61
2579	Tylan-spectin	Tylosin, Spectinomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiết niệu	HCM-X2-63
2580	Bromhexin	Bromhexin HCl, Acid citric, NaHCO3	Viên	8g	Thông khí quản	HCM-X2-64
2581	SG. Oresal	Natri clorua, Natri citrate, Kali clorua	Gói	10, 20, 30, 50; 56, 100, 500g, 1kg	Bù nước khi thú bị tiêu chảy	HCM-X2-65
2582	Farmxide AP	Alkyldimethylbenzyl ammonium, Glutaraldehyde, Octyldecyldimethyl ammonium chloride, Dioctyl-dimethylam monium, Didecyl-dimethylam monium chloride, Thymol	Lọ, chai	10; 20; 60; 100; 120; 250; 500ml; 1 lít	Thuốc sát trùng giúp tiêu diệt virus, vi khuẩn gây bệnh Gumboro, Newcatle, CRD, FMD	HCM-X2-66
2583	Para + C	Paracetamol, Vitamin C	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Thuốc hạ sốt, giảm đau	HCM-X2-67
2584	Saflum	Flumequine	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, thương hàn, THT, tiêu chảy	HCM-X2-69
2585	Norxacin AP	Norfloxacin	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy do Colibacille	HCM-X2-70
2586	B Complex-C	Các Vitamin nhóm B, C	Lọ, chai	2, 5, 10, 20; 50, 100ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X2-71
2587	Calci-B Complex-B12	Các Vitamin nhóm B, Calcium Gluconate	Lọ, chai	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng trị chứng thiếu calcium, vitamin ở gia súc	HCM-X2-72

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2588	Norxyl 200	Norfloxacin	Chai	100ml, 250ml	Trị nhiễm trùng hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-73
2589	Ampikana	Ampicillin, Kanamycin	Lọ	1g, 10g	Trị nhiễm trùng vết thương, tiêu chảy phân trắng, viêm phổi	HCM-X2-78
2590	Neo-coli-D	Neomycin, Colistin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị CRD, viêm hô hấp cấp, tiêu chảy	HCM-X2-80
2591	AD3E-Oral	Vitamin A, D3, E	Chai	100ml, 250ml, 500ml	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	HCM-X2-81
2592	Eucalyptyl	Eucalyptol, Camphor, Phenol	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Thuốc ho	HCM-X2-83
2593	T.S.C-Vita	Colistin sulfate, Tylosin tartrate, Bromhenxin, Vit A, D3, E, B1, B2, B5, B6, C, PP	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm phổi, viêm khớp, tụ huyết trùng trên heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-84
2594	Ampicin	Ampicillin	Lọ	1g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột	HCM-X2-85
2595	Peni-G	Penicillin sodium	Lọ	1.000.000 UI	Trị viêm hô hấp, đóng dấu son, THT, viêm khớp, đường sinh dục	HCM-X2-86
2596	Ampisan-D	Ampicillin, Analgine, Dexamethasone	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ nhiệt nhanh, giảm đau; trị nhiễm trùng đường hô hấp	HCM-X2-87
2597	Ampi-Sep	Ampicillin sodium, Sulfamethoxazol, Paracetamol	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm ruột, thương hàn, tụ huyết trùng, viêm phổi trên bê, nghé, heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-90
2598	Ampidexacol AP	Ampicillin, Colistin, Dexamethasone	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường sinh dục, tiêu hóa, THT,...	HCM-X2-91
2599	Tetracolivit	Oxytetra, Colistin, các Vitamin A, D, E, B, PP...	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Trị CRD, tiêu chảy, viêm ruột do E.coli	HCM-X2-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2600	Linco-sal	Lincomycin, Bromhexin, Analgin, Spectinomycin	Ống, lọ, chai, can	2ml, 5ml, 10ml, 10ml, 20ml, 50ml, 100ml; 20l	Trị nhiễm trùng hô hấp, viêm phổi, CRD, viêm ruột	HCM-X2-93
2601	Spira S.B.C	Spiramycin adipat, Colistin sulfate, Paracetamol	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi trên heo, gà, vịt	HCM-X2-94
2602	Electrolyte-C	Sodium Bicarbonate, Vitamin C	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Phục hồi chất điện giải trong thời gian thú bị stress, sốt cao, tiêu chảy	HCM-X2-95
2603	Samox	Amoxillin	Lọ	1g	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi, THT	HCM-X2-96
2604	Colistin	Colistin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	HCM-X2-97
2605	Kanacin 100	Kanamycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm nhiễm khác	HCM-X2-104
2606	Lincocin 10%	Lincomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thương hàn, viêm phổi, viêm khớp	HCM-X2-105
2607	Sapectyl	Spectinomycin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	HCM-X2-107
2608	Tiamulin 10% AP	Tiamutin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hô hấp, E.coli, kiết lỵ	HCM-X2-108
2609	Vita C AP	Vitamin C	Lọ, chai	2ml, 5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng đề kháng, ngừa stress, phục hồi sức khỏe sau điều trị	HCM-X2-109
2610	Vitamin C plus AP	Vitamin C, Sodium chloride, Ca. gluconate	Gói	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg	Vitamin tăng cường sức đề kháng, chống stress	HCM-X2-110
2611	Analgine + C	Analgin, Vitamin C, B2	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg, 1kg, 5kg, 10kg	Thuốc giảm đau	HCM-X2-112
2612	Coccidyl	Sulfadimidine base, Diaveridine, VitA, K3, PP	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh cầu trùng trên bê, nghé, heo, gà, vịt, thỏ	HCM-X2-113

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2613	Analgine + C	Analgin, Vitamin C	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Thuốc giảm đau	HCM-X2-119
2614	Anti-Gumbo	Sodium citrate, Phenyl Butazone, Vit B1, B6, C, K, PP, Paracetamol, Met	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg, 100g, 1kg 5kg, 10kg	Ngăn ngừa bệnh Gumboro ở gia cầm, hạ nhiệt, giảm đau	HCM-X2-120
2615	E.F.L	Enrofloxacin	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml, 1; 5l	Trị viêm khí quản, CRD, tiêu chảy do E.coli	HCM-X2-121
2616	Electrolyte AP	Sodium Bicarbonate, Potassium Chloride, Mg, Cu, Zn, FeSO4	Gói, hộp,	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg. 100g, 1kg	Phục hồi chất điện giải trong thời gian thú bị stress, sốt cao, tiêu chảy	HCM-X2-122
2617	Enro 5.5	Enrofloxacin, Cab-o-sil	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg; 5kg, 10kg	Trị CRD, tụ huyết trùng, tiêu chảy do E.coli	HCM-X2-123
2618	Polyvital	Vitamin A, B1, B2, B5, B6, D3, E, Tween 80	Chai	100; 250; 500ml, 1 lít	Bổ sung vitamin	HCM-X2-124
2619	Streptopen	Penicillin potassium, Streptomycin sulfate	Lọ	1.000.000UI peni + 1.000mg strep	Trị bệnh THT, nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột, tiêu chảy	HCM-X2-125
2620	Super Egg AP	Oxytetracycline, NaCl Vitamin A, B2, B5, B6, D3, E, K, H, PP, KCl	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg; 5kg, 10kg	Kháng sinh tăng sức đề kháng, tăng sản lượng trứng	HCM-X2-126
2621	Vitamin K	Vitamin K	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100, 120ml	Làm đông máu, điều trị chảy máu do thiếu vitamin K và C	HCM-X2-127
2622	Vitavet AD3E	Vitamin A, D3, E	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung vitamin cần thiết, sức đề kháng, chống suy nhược cơ thể	HCM-X2-128

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2623	SG.Peni. 4T	Penicillin G Sodium, Penicillin G Procain	Lọ	1g; 4g	Trị viêm khớp, viêm móng, đóng dấu son, tụ huyết trùng	HCM-X2-130
2624	S.G Glucose 5%	Dextrose	Chai	100; 250; 500ml; 1l	Giải độc, cung cấp năng lượng khi thú bệnh, suy nhược	HCM-X2-132
2625	S.G Biflox 20%	Enrofloxacin HCl, Bromhexine	Chai	100ml, 200ml, 250ml, 500ml, 1 lít	Trị viêm đường hô hấp, tiêu chảy do E.coli và salmonella	HCM-X2-134
2626	Cephacol	Cephalexin, Analgin, Colistin, Vit C, B1, B2, B6	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g,1; 5,10kg	Trị hô hấp và tiêu hóa	HCM-X2-135
2627	S.G Strep	Streptomycin	Lọ	1g	Trị viêm nhiễm hô hấp, tụ huyết trùng, tiêu chảy phân trắng	HCM-X2-136
2628	Cefa-Dexa	Cefalexin, Dexamethazone	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 15, 20ml 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiết niệu, tụ huyết trùng	HCM-X2-137
2629	O.D.C	Erythromycin, Dexa Oxytetracyclin HCl	Ống lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn, nhiễm trùng vết thương...	HCM-X2-139
2630	Coccisol	Diaveridine HCl, Sulfadimidine, Analgin, Vit K3, A, PP	Lọ, chai	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Thuốc trị cầu trùng	HCM-X2-141
2631	S.G Subtyl	Bacillus subtillis	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg 100g, 1kg; 5kg, 10kg	Chống tiêu chảy, rối loạn tiêu hóa	HCM-X2-142
2632	S.G Levasol	Levamisol HCl	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg; 5, 10kg	Tẩy giun sán	HCM-X2-143
2633	S.G Vitamin C 2000	Vitamin C	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Tăng sức đề kháng, giảm stress, kích thích thú ăn nhiều	HCM-X2-144

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2634	S.G Cephacol-D	Cephalexin, Colistin sulfate, Dexa sodium	Ống, lọ, chai	2, 5, 10,15ml 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị viêm hô hấp, CRD, tiêu chảy do E.coli, tụ huyết trùng	HCM-X2-145
2635	S.G Calcivit AD3E	Vitamin A, D3, E, PP, Oxytetracycline HCl, Ca	Gói, hộp, bao	5; 20; 0; 50; 100; 500g, 1kg; 5kg, 10kg	Bổ sung vitamin và khoáng cho cơ thể	HCM-X2-147
2636	S.G Atropin	Atropin sulfate	Ống, lọ, chai	2, 5, 10, 15; 20, 50, 100; 120ml	Giải độc tố, chống co thắt tử cung	HCM-X2-148
2637	S.G Vitamin B1 + B6 + B2	Vitamin B1, B2, B6, C, PP	Ống, lọ, chai	2, 5, 10ml, 20, 50, 100; 250; 500ml	Cung cấp vitamin nhóm B	HCM-X2-150
2638	Ampicoli AP	Ampicillin, Colistin, Analgin, Vitamin B2, Bromhexin, Cab-o-sil	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg 100g, 1kg; 5kg, 10kg	Trị hô hấp, CRD, tiêu chảy do E.coli và salmonella	HCM-X2-152
2639	S.G Oxytocin	Oxytocin	Ống, lọ	2; 4; 5; 6; 8; 10; 15; 20; 50; 100ml	Kích thích co thắt cơ trơn, giúp thú sinh đẻ dễ dàng	HCM-X2-154
2640	Ivertin 1% AP	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Chống nội và ngoại KST	HCM-X2-155
2641	Ivertin 0,25% AP	Ivermectin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Chống nội và ngoại KST	HCM-X2-156
2642	S.G Analgine 30%	Analgin	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Thuốc giảm đau	HCM-X2-157
2643	S.G Colistin-D	Colistin, Dexamethasone	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm nhiễm đường tiêu hóa	HCM-X2-158
2644	SG. Bromhexin	Bromhexin hydrochloride	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Thông khí quản	HCM-X2-159

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2645	ADE B.Complex AP	Vitamin A, D, E, B1, B2, B6, PP	Ống, lọ, chai	2ml, 5ml, 10ml, 10, 20, 50, 100ml	Bổ sung các vitamin thiết yếu cho cơ thể	HCM-X2-161
2646	Biotin Plus AP	Vitamin A, D3, E, B2, Biotin, Paracetamol	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1,5kg, 10kg	Tăng đề kháng, ngừa các bệnh về da, lông, móng	HCM-X2-162
2647	ADE Solution	Vitamin A, D3, E	Gói, hộp, bao	5; 20; 30; 50; 100; 500g, 1kg; 5kg, 10kg	Cung cấp vitamin cần thiết, kích thích tăng trọng, ngừa stress, tăng đề kháng	HCM-X2-163
2648	Tylosin 200	Tylosin tartrate, Dexamethasone acetate	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung, bệnh lepto, viêm ruột ở trâu, bò, bê, dê, heo	HCM-X2-164
2649	Talusal	[1-(butylamino)-1-methylethyl]-phosphoric acid, Cyanocobalamin	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa do rối loạn trao đổi chất, dinh dưỡng kém, chậm phát triển ở gia súc non	HCM-X2-165
2650	Shooty	Permethrin, natri lauryl sulfate, Chloride etyl sulfate, Glycerin	Tuýp	190; 200; 250; 300ml	Dầu tắm trị ghẻ, ve, bọ chét cho chó	HCM-X2-166
2651	Vitamin K	Vitamin K	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh chảy máu do thiếu Vit K, phòng chảy máu sau khi đẻ	HCM-X2-167
2652	Sulfatrim-D	Sulfamethazine, Trimethoprim	Chai, ống	10; 20; 50; 100ml 2; 5; 10ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi, phế quản, thương hàn, bạch lỵ gia cầm, tụ huyết trùng ở trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X2-168
2653	Para-C	Paracetamol, Vitamin C	Viên	8g	Giảm đau, hạ nhiệt, kích thích thèm ăn, tăng đề kháng trên trâu, bò, heo, gà, vịt	HCM-X2-169

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2654	Vagidin	Chlortetracycline HCL, Polyvinyl pyrrolidon iodine	Viên	7g	Trị viêm tử cung, âm đạo do vi khuẩn Gr(-), Gr(+), nấm và nguyên sinh động vật gây ra ở trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-170
2655	Calcium-B12	Calcium gluconate, Vitamin B12, B1	Ống, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu canxi, thiếu máu, chứng bại liệt ở gia súc, gia cầm	HCM-X2-171
2656	Analgine + C	Analgin, Vitamin C	Viên	8g	Giúp giảm đau nhanh, hạ nhiệt, tăng cường sức đề kháng trong thời gian thú bệnh	HCM-X2-172
2657	Ana-Dexa	Analgin, dexamethasone sodium phosphate	Ống, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Giúp giảm đau nhanh, hạ sốt và chống viêm	HCM-X2-173
2658	Calci-Max	Calcium gluconate, Acid boric, Magnesium chloride, Dextrose	Ống, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh do thiếu canxi, magiê, rối loạn chuyển hóa canxi, trường hợp ngộ độc, chứng chảy máu ở gia súc	HCM-X2-174
2659	SG Calci-C	Calci lactate, Vitamin C	Viên	8g	Trị các chứng do thiếu canxi xương, còi xương, chậm lớn	HCM-X2-175
2660	LincoSpec AP	Spectinomycin, Lincomycin	Ống, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT trên trâu, bò, dê, cừu. Viêm ruột, viêm tử cung trên chó mèo. Thương hàn, CRD trên gà, vịt	HCM-X2-176
2661	Anti-Gate	Norfloxacin HCL, Dexamethasone sodium phosphate	Viên	7g	Trị viêm tử cung sau khi sinh, viêm âm đạo, nhiễm trùng tử cung do can thiệp lúc sinh trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-177
2662	SG. Necovit	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 30; 50g; 100; 200,250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do E.coli, Salmonella cho lợn, gà, vịt	HCM-X2-178

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2663	Genten-Plus	Gentamycin sulfate, Amoxicilin trihydrate	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 15; 20; 50; 100; 250; 5000ml	Trị viêm phổi do Mycoplasma (CRD), THT, viêm ruột tiêu chảy do E.coli cho lợn, bê, nghé, dê cừu, gà, vịt	HCM-X2-179
2664	SG Coligen	Gentamycin sulfate, Doxycycline HCL	Lọ, chai	700mg; 7g	Trị CRD, THT cho lợn, gà vịt, bê nghé, dê, cừu. Trị viêm vú, tử cung cho lợn	HCM-X2-180
2665	Stero-Plus	Tylosin, Streptomycin	Lọ, chai	1,2; 6; 12; 30g	Trị bệnh CRD, THT cho lợn, gà, vịt. Trị sưng phù đầu do E.coli cho lợn	HCM-X2-181
2666	Amoxycol A&B	Colistin sulfate, Amoxicllin trihydrate	Gói	5; 20; 30; 50; 100g; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột cho lợn, bê, nghé, dê, cừu con, gà, vịt	HCM-X2-183
2667	O.S.C Dex	Erythromycin base Colistin sulfate, Dexa	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị CRD, THT, phó thương hàn, E.coli cho trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X2-184
2668	Tobra AP	Tobramycin sulfate Colistin sulfate Dexamethasone	Ống; Lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh do Mycoplasma, E.coli, ỉa chảy do Clostridium; THT, PTH cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, viêm phổi, ruột cho chó, mèo	HCM-X2-185
2669	Coliof	Colistin sulfate Spectinomycin	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, tiêu chảy	HCM-X2-187
2670	Tylo-S AP	Tylosin Spectinomycin	Ống; lọ, chai	2; 5; 10ml; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị suyễn lợn, viêm phổi do Mycoplasma, đóng dấu lợn	HCM-X2-188
2671	Nortasol	Norfloxacin HCl Paracetamol	Gói Hộp Bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg 100g; 1kg; 5; 10kg	Gà, vịt: Trị viêm ruột tiêu chảy, thương hàn, THT, CRD. Lợn: Viêm ruột, thương hàn, THT	HCM-X2-189

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2672	Anti C.R.D	Enrofloxacin HCl	Gói Hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg 100g; 1kg; 5; 10kg	Gà, vịt, chim cút, lợn: Đặc trị CRD, viêm phổi do Mycoplasma, viêm khớp	HCM-X2-190
2673	Amkasol	Ampicillin trihydrat Kanamycin sulfate	Gói Hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg 100g; 1kg; 5; 10kg	Gà, vịt, lợn: trị nhiễm trùng do vi khuẩn gây ra	HCM-X2-191
2674	SG Blue SP	Neomycin sulfate Blue Methylen	Chai	100ml	Sát khuẩn, diệt bào tử vi khuẩn, nấm mốc, sát trùng vết thương ngoài da	HCM-X2-192
2675	Coligen	Gentamycin sulfate Colistin sulfate	Ống Lọ/chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do E.coli, Salmonella, THT trên lợn. Trị THT, viêm phổi trên trâu, bò, dê, cừu	HCM-X2-193
2676	Tylo-PC AP	Tylosin tartrate Thiamphenicol	Ống Lọ/chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trâu, bò, dê cừu: trị viêm phổi, ruột; thương hàn. Lợn: Viêm phổi, đóng dấu, thương hàn. Gia cầm: trị CRD, CCRD	HCM-X2-194
2677	Tylogen AP	Tylosin tartrate Gentamycin sulfate	Ống Lọ, chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trị THT cho trâu, bò, dê, cừu, lợn. Viêm phổi, tử cung cho chó, mèo. CRD, CCRD, THT, Salmonellosis cho gà, vịt	HCM-X2-195
2678	CFG	Gentamycin sulfate Colistin sulfate	Ống	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Đặc trị tiêu chảy do E.coli hay Salmonella cho bê, nghé, lợn con, dê, cừu	HCM-X2-196
2679	SG Enro-Colistin	Doxycycline HCl Colistin sulfate	Ống Lọ/chai	2; 5; 10ml 10; 20; 50; 100ml	Trâu, bò, dê, cừu, lợn: Trị viêm phổi, thương hàn, THT. Trên gà, vịt: trị CRD, CCRD, thương hàn, THT	HCM-X2-197
2680	Tiacotin	Tiamulin hydrogen fumarate, Colistin sulfate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo	HCM-X2-198

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2681	Gentamox	Gentamycin sulfate, Amoxicillin trihydrate, Analgin	Lọ, chai	1,56; 15,6; 39g	Trị tụ huyết trùng, thương hàn, viêm phổi, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, đau móng, trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gà, vịt	HCM-X2-199
2682	Floxy	Florfenicol, Lidocain Doxycyclin, Prednilone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 60; 120; 100; 120; 200; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gà, vịt	HCM-X2-200
2683	Penicain	Penicillin G procain	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng vết thương, viêm phổi, THT, viêm tử cung, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X2-201
2684	SG.Flordoxy	Florfenicol, Bromhexin Doxycyclin, Vit A, C	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, viêm ruột - tiêu chảy, viêm khớp trên gà, vịt, cút, heo	HCM-X2-202
2685	Sone AP	Thiamphenicol, Oxytetracycline, Bromhexin, Lidocain Prednisolone	Ống, chai, lọ, can	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 20l	Trị THT, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, viêm khớp, viêm niệu đạo trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-203
2686	Florfen-B	Florfenicol, Oxytetracycline	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên heo, gà, vịt, cút	HCM-X2-204
2687	Kamox	Amoxicillin trihydrate, Kanamycin sulfate	Chai, lọ	1,2; 12; 30g	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, đau móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gà, vịt	HCM-X2-205
2688	SG.Spira-S	Steptomycin sulfate, Spiramycin adipaste	Chai, lọ	1,3; 13; 32,5g	Trị viêm đường hô hấp, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-206
2689	Tasahe	Fenbendazole	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị giun ở dạ dày ruột trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-207

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2690	Norxacin	Norfloxacin HCL	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị CRD, E.coli, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm khớp trên heo con, gà, vịt	HCM-X2-209
2691	SG.Linpec	Lincomycin HCL, Spectinomycin HCL, Bromhexine HCL	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp trên heo, gia cầm	HCM-X2-210
2692	Flortyl F.T.P	Florfenicol, Tylosin tartrate, Prednisolone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-211
2693	Marbocin AP	Marbofloxacin, Prednisolone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-212
2694	SG.Bromhexin-C Plus	Bromhexin HCL, Acid ascorbic, A. citric	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Long đờm, trị viêm khí quản, phế quản, trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà	HCM-X2-213
2695	Tylo-D.C	Tylosin tartrate, Colistin sulfate, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, sưng phù đầu, THT, viêm phổi cấp tính, đau móng, viêm khớp, viêm tử cung, viêm vú trên trâu, bò, dê, cừu, heo	HCM-X2-214
2696	Neo-Pec	Neomycin sulfate, Pectin	Chai	50; 100; 250; 500ml	Trị tiêu chảy trên heo, bê, nghé, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-215
2697	Anti E.Coli AP	Colistin sulfate, Neomycin sulfate,	Chai	50; 100; 250; 500ml	Trị tiêu chảy phân xanh, phân trắng trên bê, nghé, heo, chó, mèo, dê, cừu	HCM-X2-216
2698	SG.Oxytetra LA	Oxytetracycline	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột - tiêu chảy, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-217
2699	Genta 10% AP	Gentamycin, Dexamethasone	Ống, chai,	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, nhiễm trùng vết thương, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-218

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2700	Analgine 250	Analgin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ nhiệt, tăng hiệu quả điều trị các bệnh nhiễm trùng	HCM-X2-219
2701	Dexavet	Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống dị ứng, chống viêm	HCM-X2-220
2702	Flume 7,5%	Flumequine	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-221
2703	Iodine 10% AP	PVP Iodine	Chai	60; 120; 250; 500ml; 1l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, dụng cụ vắt sữa, sát trùng ngoài da, vết thương, bầu vú, khử trùng nguồn nước uống	HCM-X2-222
2704	Levamisol-S	Levamisol HCL	Viên	8g	Tẩy giun trên gia súc, gia cầm	HCM-X2-223
2705	D.O.C AP	Thiamphenicol, Oxytetracyclin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị THT, viêm phổi, thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, viêm khớp, trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-224
2706	Uropin	Urotropin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Sát trùng đường tiết niệu cho gia súc	HCM-X2-225
2707	Alistin	Amoxycillin, Colistin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm tử cung, THT, đau móng, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-226
2708	Amoxi LA AP	Amoxycillin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp, đau móng, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-227

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2709	Gentamox AP	Amoxycillin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, THT, viêm ruột - tiêu chảy, viêm tử cung, viêm vú, viêm khớp, viêm móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-228
2710	Difloxin	Difloxacin, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp, trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-229
2711	Florcine	Florfenicol, Dexamethasone	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, thương hàn, THT, viêm ruột - tiêu chảy, viêm da, viêm kết mạc trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-230
2712	Streptopen AP	Penicilline G procain, Dihydrostreptomycin sulfate	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, thương hàn, viêm ruột - tiêu chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-231
2713	Aclimat 3.0	Sweet cumin	Tuýp	10; 20; 30; 50; 100; 200ml	Giúp thú nuôi giảm bớt hung dữ. Trị các vết xà mâu, ghẻ lở, vết cọ xước, trầy sưng, chảy nước vàng và các vết thương do nhiễm trùng da	HCM-X2-232
2714	SG.Hepatol	NaCl, KCl, CaCl2, MgCL2, Sorbitol,	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Cung cấp các chất điện giải cho thú	HCM-X2-233
2715	SG.Methomyl	Methomyl	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Diệt ruồi trong các trại chăn nuôi	HCM-X2-234
2716	Specticol	Colistin sulfate, Spectinomycine base	Ống, chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường ruột trên heo con	HCM-X2-235
2717	Cosultrim	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-236

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2718	Kitasul	Kitasamycin, Sulfadimidine	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột - tiêu chảy, thương hàn, THT, nhiễm trùng đường hô hấp trên heo, bê, nghé, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-237
2719	Nepacin C.D	Neomycin, Sweet cumin Oxytetracyclin, Dexa	Tuýp	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị ghẻ, xà mâu, các vết sưng tấy gây mủ, trầy xước, vết thương do nhiễm trùng da	HCM-X2-238
2720	SG.Lidocain	Lidocain	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Gây tê trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	HCM-X2-239
2721	Diflox 10%	Difloxacin, Vit A, D3, E, B1, B2, B6	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm ruột tiêu chảy, TH, THT, viêm phổi, viêm phế quản, viêm khớp trên bê, nghé, heo, dê, cừu, gà, vịt, cút	HCM-X2-240
2722	SG.Prazile	Praziquantel, Levamisol	Ống, chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Phòng và trị giun và các loại sán trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo	HCM-X2-241
2723	Florfenicol LA	Florfenicol	Ống, chai, lọ, can	2; 5; 10; 20; 50; 100ml; 20l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, TH, THT, viêm ruột tiêu chảy, viêm da, viêm khớp, viêm móng trên trâu, bò, heo, dê, cừu	HCM-X2-242
2724	Fluquine	Flumequine, Dexamethasone	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng niệu trên trâu, bò, heo, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-243
2725	Bactrim LA	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm ruột - tiêu chảy, TH, THT, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo, chó, mèo	HCM-X2-244
2726	SG.Doxy LA	Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, THT, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, heo. Nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên chó, mèo	HCM-X2-245

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2727	SG. Danocin	Danofloxacin	Ống, chai	10; 20; 30; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm ruột tiêu chảy trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	HCM-X2-246
2728	Doxtyl-200WS	Doxycycline hyclate, Tylosin tartrate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500; 750g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột dạ dày do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline	HCM-X2-247
2729	SG.Enro LA	Enrofloxacin Base	Ống, chai, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	HCM-X2-248
2730	Septryl 24% AP	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Lọ, ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm ruột dạ dày, hô hấp, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfametho-xazole, Trimethoprim gây ra	HCM-X2-249
2731	SG.Toltracoc 2,5%	Toltrazuril	Ống, chai, can	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 20l	Phòng và trị cầu trùng trên gia cầm	HCM-X2-250
2732	SG.Toltracoc 5%	Toltrazuril	Ống, chai, can	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 20l	Phòng và trị cầu trùng trên lợn con	HCM-X2-251
2733	Nước cất pha tiêm	Nước cất	Chai	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Hòa tan thuốc bột để tiêm	HCM-X2-252
2734	Ceptifur AP	Ceftiofur	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, heo	HCM-X2-253
2735	Fer Gen-Tylo AP	Gentamycin; Tylosin; Ion dextran	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt, viêm ruột, tiêu chảy, viêm phổi trên heo	HCM-X2-254
2736	SG.Cept	Ceftiofur sodium	Chai	1g, 5g, 10g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tụ huyết trùng, viêm phổi cấp tính, thương hàn, viêm tử cung trên heo, trâu, bò, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-255

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2737	SG. Vetemuc-Inj	Acetylcystein	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt	HCM-X2-256
2738	SG. Vetemuc-Oral	Acetylcystein, Vitamin B1, B2, B6, PP	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt, bệnh ghép giữa CRD với E.Coli. Tăng sức đề kháng, kích thích gia cầm ăn nhiều	HCM-X2-257
2739	SG. Vetemuc-C	Acetylcystein, Vitamin C	Gói, hộp, bao	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10kg	Làm loãng đàm, dùng kết hợp kháng sinh trong bệnh suyễn heo do Mycoplasma, hen gà, khẹc vịt	HCM-X2-258
2740	SG.Anazine-C	Analgin, Vitamin C, Potassium chloride, Sodium chloride	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt, chống mất nước và chất điện giải trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-259
2741	Ampi + Ery AP	Ampicilline, Erythromycin	Gói, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm khí quản, THT, PTH trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-260
2742	Enrotryl AP	Enrofloxacin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, heo, gia cầm	HCM-X2-261
2743	Tosal AP	Butafosfan, Vitamin B12	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị rối loạn sinh trưởng, rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	HCM-X2-262
2744	Flordox AP	Florfenicol, Doxycyclin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	HCM-X2-263

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2745	SG.Dano 166	Danofloxacin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên gia cầm	HCM-X2-264
2746	DOXY	Doxycycline hyclate	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X2-265
2747	FLUMEQUINE	Flumequine	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	HCM-X2-266
2748	OXYTETRA	Oxytetracycline	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	HCM-X2-267
2749	TYLOSIN	Tylosin tartrate	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	HCM-X2-268
2750	AMOX	Amoxicillin trihydratre	Gói, bao, thùng	100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10; 20; 25; 50kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicillin gây ra trên heo, gia cầm	HCM-X2-269
2751	Tulavet AP	Tulathromycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị bệnh viêm phổi cấp tính ở trâu, bò, heo	HCM-X2-270
2752	Kitavet AP	Kitasamycin	Hộp	1; 5; 10kg	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm trên heo; trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	HCM-X2-271
2753	Tycovet WSP AP	Tilmicosin	Túi, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	HCM-X2-272

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2754	Tycovet 250 AP	Tilmicosin	Chai, can	10; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5l	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	HCM-X2-273
2755	Tylodox AP	Doxycycline, Tylosin	Gói, bao, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 250; 500; 750g; 1; 5; 10kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, heo, gia cầm	HCM-X2-274
2756	Cebactan AP	Cefquinome	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung, mất sữa (MMA), nhiễm trùng máu, viêm da, thối móng trên bò, heo	HCM-X2-275
2757	Amox 500 AP	Amoxicillin	Gói, bao, thùng	100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên gia cầm, heo	HCM-X2-276
2758	Apracol AP	Apramycin	Bao, hộp	5, 10, 20, 30, 50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Trị viêm ruột tiêu chảy trên gia cầm, heo; bệnh sưng phù đầu trên heo con	HCM-X2-277
2759	Colamox AP	Amoxicillin, Colistin	Bao, hộp	5, 10, 20, 30, 50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp trên heo, gia cầm	HCM-X2-278
2760	FINIL-PET	Fipronil	Chai	20; 50; 100; 250; 500ml	Diệt sạch ve, rận, bọ chét và ghẻ Sarcoptes trên chó, mèo	HCM-X2-279
2761	LEVA 10% AP	Levamisole HCL	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Trị giun đũa, giun xoăn, giun kết hạt, giun phổi, giun thận, giun chỉ, giun tóc trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X2-280

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2762	ZURILCOC AP	Toltrazuril	Ống, chai, can	10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10 lít	Trị cầu trùng trên gà, thỏ	HCM-X2-281
2763	Tiamulin WSP AP	Tiamulin hydrogen fumarate	Gói, hộp, bao	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên lợn, gia cầm	HCM-X2-282
2764	Enro 10% Oral AP	Enrofloxacin	Chai, bình	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, heo, gia cầm	HCM-X2-283
2765	Diclacoc	Diclazuril	Chai, bình	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị cầu trùng trên cừu, lợn, thỏ, gà	HCM-X2-284
2766	Amox LA AP	Amoxicillin (as trihydrate)	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, sinh dục, tiết niệu, tiêu hóa trên trâu bò, bê nghé, dê, cừu, lợn	HCM-X2-285
2767	Gentamoxin AP	Amoxicillin, Gentamycin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, viêm vú, viêm tử cung, áp xe da trên trâu, bò, lợn	HCM-X2-286
2768	Dexa AP	Dexamethasone	Chai	10; 20; 50; 100ml	Chống viêm, dị ứng, shock trên trâu, bò, ngựa, heo. Trị aceton huyết trên trâu bò và viêm khớp, viêm bao hoạt dịch hoặc viêm bao gân ở ngựa	HCM-X2-287
2769	Gentacin AP	Gentamicin (as sulfate)	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu, lợn	HCM-X2-288

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2770	SG.Paradol K-C	Calcium gluconate, Paracetamol, Vitamin C, K, Sodium chloride, Postasium chloride	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Hạ sốt, chống mất nước, cân bằng chất điện giải, chống stress trên trâu, bò, heo, dê, cừu, gia cầm	HCM-X2-289
2771	Hen Coc AP	Sulfaclozine	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Trị thương hàn, tụ huyết trùng, cầu trùng trên gia cầm	HCM-X2-290
2772	Flormix AP	Florfenicol	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên heo	HCM-X2-291
2773	Anti-E.Coli new AP	Colistin sulfate, Postassium chloride, Sodium chloride	Chai, bình	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5l	Trị tiêu chảy trên bê, nghé, heo con, gia cầm	HCM-X2-292
2774	Marboflox AP	Marbofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 120; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	HCM-X2-293

(Xem tiếp Công báo số 417 + 418)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng